



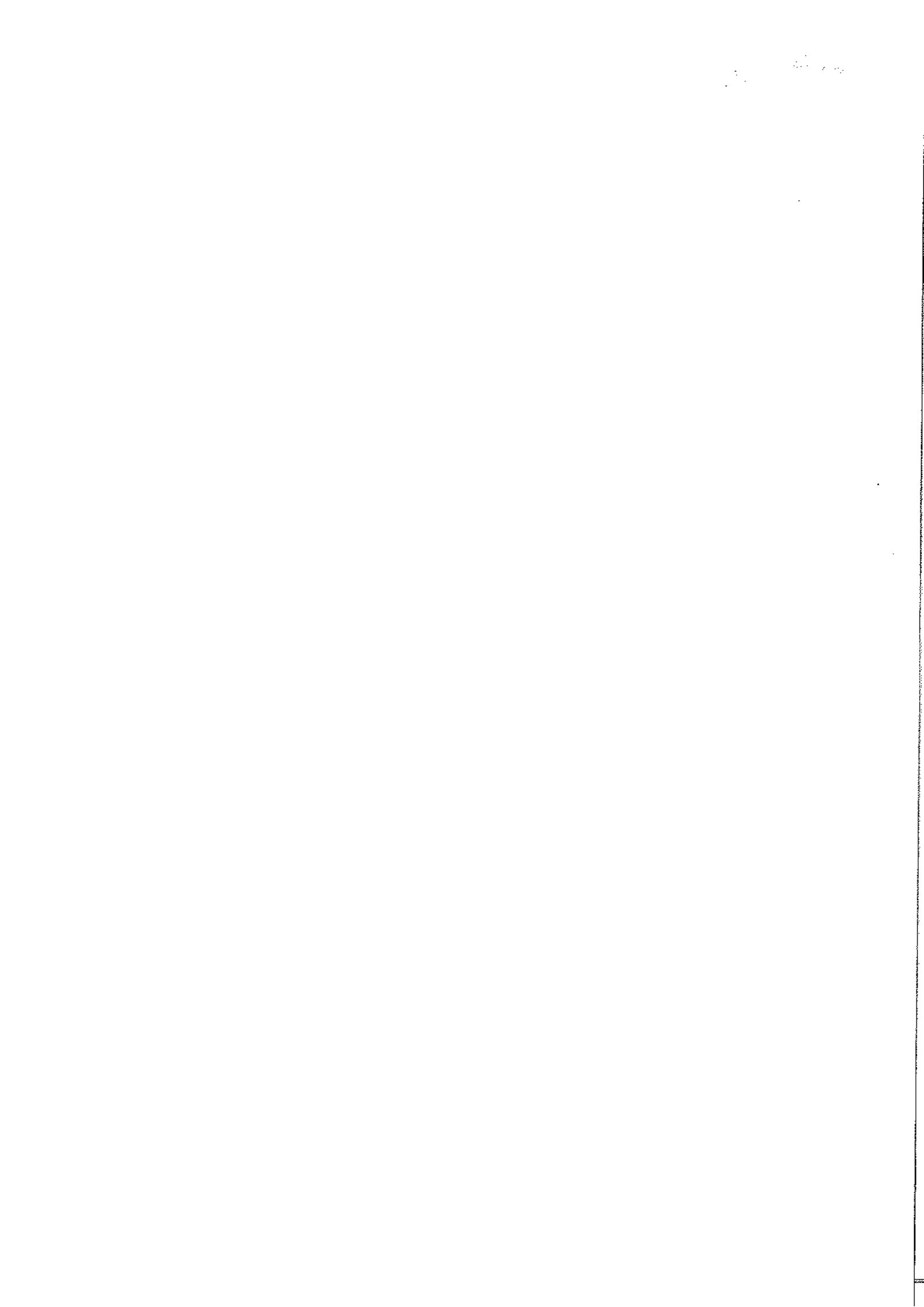
Bình Dương, ngày 09 tháng 09 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Thời gian: 8h30 ngày 09/09/2022 - Địa điểm: Hội trường trụ sở Công ty CP Beton 6

Thời gian	Hạng mục
8h30	KHAI MẠC
	1. Tiếp đón Quý đại biểu, Quý Cổ đông tham dự Đại hội.
	2. Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu tham dự
	3. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Tuyên bố khai mạc Đại hội
	4. Biểu quyết thông qua - Chủ tọa đoàn - Thư ký đoàn - Ban Kiểm phiếu
	5. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội 6. Thông qua Chương trình Đại hội
9h20	NỘI DUNG NGHỊ SỰ
	1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, định hướng hoạt động năm 2022.
	2. Báo cáo kết quả SXKD của Ban điều hành 2021, BCTC 2021, Kế hoạch 2022.
	3. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát.
	4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
	5. Báo cáo thù lao của HĐQT/BKS năm 2021-2022.
	6. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022.
	7. Tờ trình hủy việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ.
	8. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
	9. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
10. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	
10h30	HỎI ĐÁP THẢO LUẬN
11h	CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT
11h15	BẾ MẠC
	1. Thông qua Biên bản/Nghị quyết Đại hội 2. Tuyên bố bế mạc





PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Tên Cổ đông:

Đại diện theo ủy quyền:

Tổng số cổ phần sở hữu/ủy quyền:

Tổng số phiếu biểu quyết:

Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, định hướng hoạt động năm 2022.			
Nội dung 2: Báo cáo kết quả SXKD của Ban điều hành 2021, BCTC 2021, Kế hoạch 2022.			
Nội dung 3: Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát			
Nội dung 4: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.			
Nội dung 5: Báo cáo thù lao của HĐQT/BKS năm 2021-2022.			
Nội dung 6: Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022.			
Nội dung 7: Tờ trình hủy việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ.			
Nội dung 8: Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.			
Nội dung 9: Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.			
Nội dung 10: Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.			

Ghi chú:

- Quý Cổ đông vui lòng đánh dấu "X" vào ô thích hợp.
- Phiếu không hợp lệ: Phiếu không có bất kỳ ý kiến nào hoặc cùng 01 nội dung mà có từ 2 ý kiến trở lên.

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021***Kính thưa Quý vị cổ đông!*

Với nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ, thay mặt HĐQT Công ty cổ phần Beton 6, tôi xin được báo cáo trước ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT trong năm 2021, và định hướng hoạt động trong thời gian tới như sau:

PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2021**A. NHẬN ĐỊNH CHUNG**

- Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua.
- Dịch bệnh kéo dài “bào mòn” sức lực của nhiều doanh nghiệp trong nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân. Ngành Xây dựng cũng là ngành kinh tế chịu tác động lớn bởi ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid. Đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm giá nguyên vật liệu sản xuất tăng cao, thiếu hụt nguồn nhân công, máy và thiết bị thi công, dừng thi công xây dựng làm phát sinh chi phí để phòng tránh dịch; bổ sung các chi phí cho công tác phòng, chống dịch...
- Trước khi đại dịch Covid diễn ra, tình hình kinh tế tài chính Beton 6 đã khó khăn nay lại càng khó khăn sa sút trầm trọng hơn do ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế chung và đại dịch Covid-19. Trong năm 2021 Beton 6 phải ngừng sản xuất hơn 03 tháng để thực hiện giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh Covid theo Chỉ thị của Thủ Tướng Chính Phủ. Trước đó, Beton 6 đã trượt dài trên con dốc thua lỗ nhiều năm, rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, đứng trước áp lực thanh toán nợ từ các chủ nợ, vốn chủ sở hữu bị âm, doanh thu sụt giảm, số nợ phải trả tăng cao hơn tổng tài sản của Công ty, thiếu hụt nguồn vốn để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đứng trước tình hình đó, đầu



năm 2020 Ban lãnh đạo Beton 6 buộc phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đến Tòa án có thẩm quyền. Hiện tại Công ty CP Beton 6 đang trong giai đoạn thực hiện các thủ tục phá sản nhưng vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động Beton 6 vẫn luôn đồng lòng sát cánh hy vọng Công ty Beton 6 sẽ được phục hồi trong tương lai gần nhất.

B. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

1. Phương pháp giám sát

- HĐQT kết hợp với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ ĐHCĐ và HĐQT giao.
- HĐQT tổ chức họp định kỳ, và ban hành các nghị quyết sau các buổi họp để Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

2. Kết quả giám sát

❖ Năm 2021, Beton 6 không đạt kế hoạch về doanh thu, cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2021 đạt 46,56 tỷ đồng, đạt 66,5% so với kế hoạch ban đầu (70 tỷ đồng), giảm 48% so với cùng kỳ năm 2020 (89,6 tỷ đồng). Trong đó:
 - Doanh thu mảng sản phẩm công nghiệp của năm 2021 là 43,4 tỷ đồng giảm 44,1% so với năm 2020 (77,7 tỷ đồng);
 - Doanh thu mảng thi công xây lắp của năm 2021 là 0 tỷ đồng, giảm 100% so với năm 2020 (7,6 tỷ đồng);
 - Doanh thu khác năm 2021 là 3,19 tỷ đồng, giảm 26% so với năm 2020 (4,32 tỷ đồng).
 - Lợi nhuận trước và sau thuế của năm 2021 là (-82,14 tỷ đồng), lỗ giảm 68,6% so với năm 2020 (- 261,6 tỷ đồng).
 - Giá vốn hàng bán năm 2021 là 52,19 tỷ đồng, giảm 62,7% so với năm 2020 (139,96 tỷ đồng).
 - Lợi nhuận gộp năm 2021 là (-5,64 tỷ đồng), giảm lỗ 88,8% so với năm 2020 (-50,32 tỷ đồng).
- #### **❖ Kết quả doanh thu năm 2021 không đạt kế hoạch đề ra, tình hình tài chính ngày càng sa sút trầm trọng, lợi nhuận sau thuế âm do nhiều nguyên nhân, điển hình là:**

- Dịch bệnh covid 19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải tạm dừng sản xuất hơn 03 tháng để thực hiện giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh theo Chỉ Thị của Thủ Tướng Chính Phủ.
- Năm 2021 Beton 6 thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khoảng 40,3 tỷ đồng.
- Các dự án lớn bị tạm dừng hoạt động và một số dự án lớn đã hoàn thành xong.
- Beton 6 vẫn tiếp tục trong tình trạng thiếu nguồn vốn, nội bộ Beton 6 vẫn tiếp tục cải tổ tái cấu trúc nhân sự và hoạt động.
- Beton 6 đang trong tình trạng thực hiện các thủ tục phá sản.
- Công ty cơ cấu lại hệ thống sản phẩm, ưu tiên sản xuất những mặt hàng, những sản phẩm công nghệ cao, siêu trường, siêu trọng; Công ty tạm ngưng các hoạt động kinh doanh không sinh lãi, chỉ tập trung vào sản xuất các sản phẩm bê tông và chủ yếu gia công cho khách hàng thay vì tự mua nguyên vật liệu về sản xuất thành phẩm như các năm trước đây.

Những yếu tố trên làm cho tình hình tài chính của Công ty năm nay giảm sút so với năm trước.

3. Kết luận

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát về kết quả hoạt động kinh doanh & tình hình hoạt động Công ty, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Tuy tình hình tài chính chưa được khả quan nhưng đã đạt được một số thành tựu nổi bật trong năm như sau:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nhà máy bằng việc cho thuê kho bãi và hợp tác kinh doanh.
- Đẩy mạnh các sản phẩm công nghệ cao, siêu trường, siêu trọng như Nhà lắp ghép di động, sản xuất các sản phẩm bằng bê tông nhẹ, các cấu kiện bê tông siêu nhẹ phục vụ cho xây dựng, gia công sản xuất, bán dầm, cột đúc sẵn ...
- Tăng cường thu hồi nợ, tài chính minh bạch, phản ánh đúng tình hình thực tế của Beton 6.
- Trong tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nhưng Ban điều hành đã cố gắng vận hành để đảm bảo an toàn, an ninh và sức khỏe cho cán bộ công nhân viên nói riêng và toàn khu vực nhà máy nói chung.
- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng.

37003
CÔNG
CỔ P
BET
TAN-T.

- Tiếp tục duy trì các Dự án hiện hữu.

PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

A. NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

- Theo nội dung lấy ý kiến bằng văn bản của Đại hội cổ đông bất thường ngày 05/02/2021:

❖ Miễn nhiệm các thành viên HĐQT sau:

1. Ông. Phạm Văn Hiến, Chủ tịch HĐQT
2. Ông. Nguyễn Trọng Nghĩa, Thành viên HĐQT
3. Ông. Nguyễn Ngọc Dũng, Thành viên HĐQT

❖ Bầu bổ sung thành viên HĐQT mới nhiệm kỳ 2016-2021 đối với ông. Lê Nguyễn Phương, thành viên HĐQT kể từ ngày 05/02/2021.

- Danh sách Nhân sự HĐQT (Nhiệm kỳ 2016 – 2021) tại ĐHĐCĐ bất thường theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 05/02/2021 cho đến nay gồm 03 thành viên như sau:

1. Ông. Trịnh Thanh Huy, Chủ tịch HĐQT.
2. Ông. Nguyễn Quang Minh, Thành viên HĐQT.
3. Ông. Lê Nguyễn Phương, Thành viên HĐQT

- Danh sách Nhân sự HĐQT (Nhiệm kỳ 2021 – 2026) tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/12/2021 cho đến nay gồm 05 thành viên như sau:

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông. Trịnh Thanh Huy | Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên không điều hành |
| 2. Ông. Lê Nguyễn Phương | Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên điều hành (kiêm Tổng giám đốc) |
| 3. Ông. Trương Lê Minh | Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập |
| 4. Ông. Nguyễn Xuân Vinh | Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập |
| 5. Bà. Lê Thị Hải Ninh | Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên không điều hành |



2. Nhân sự Ban kiểm soát

Nhân sự BKS (Nhiệm kỳ 2021-2026) sau ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/12/2021 và tính tới giai đoạn hiện nay gồm 03 thành viên:

- | | |
|----------------------------|----------------|
| 1. Bà. Lê Thị Kim Đồng | Kiểm soát viên |
| 2. Bà. Lê Ngọc Diễm Phương | Kiểm soát viên |
| 3. Bà. Phạm Thị Thanh Thủy | Trưởng ban |

3. Nhân sự Ban điều hành

- Nhân sự Ban điều hành sau ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/12/2021 gồm:

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| 1. Ông. Lê Nguyễn Phương | Chức vụ: Tổng giám đốc. |
| 2. Bà. Nguyễn Thị Ngọc Trâm | Chức vụ: Kế toán trưởng. |

B. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2021, HĐQT tổ chức tổng cộng 04 cuộc họp bằng nhiều hình thức cho phép theo qui định, tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
- Vay vốn cá nhân phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán các khoản nợ của Công ty.

Ghi chú: Nội dung chi tiết của các cuộc họp HĐQT năm 2021 trong phụ lục đính kèm.

2. Báo cáo giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty CP Beton 6 - Pro	Công ty liên kết. Ông. Trịnh Thanh Huy là thành viên sáng lập. Ông. Lê Nguyễn Phương là Giám đốc.	3702772228 cấp ngày 20/05/2019 tại Sở KHĐT tỉnh Bình Dương	Km1877 QL1K, P. Bình An, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	01/07/2019 đến 31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc giao khoán và quản lý công tác sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn. Giá trị Hợp đồng 187 triệu đồng/tháng

54079 - C
3 TY
HÃN
ON 6
BÌNH DƯƠNG

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 30/12/2021

HĐQT đã thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 30/12/2021, tóm tắt như sau:

- Hợp phân công nhiệm vụ trong HĐQT, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Thực hiện kế hoạch năm 2021 với kết quả như đã báo cáo ở phần trên.
- Phân phối lợi nhuận năm theo đúng tỷ lệ được duyệt (không chi cổ tức, không trích lập các quỹ, tập trung 100% cho hoạt động sản xuất kinh doanh).
- Thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT/BKS đúng theo Tờ trình đã được duyệt.
- Ban hành và công bố Điều lệ Công ty đúng theo Tờ trình được duyệt.

Tuy nhiên về vấn đề phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ vẫn chưa thực hiện xong.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- ĐHĐCĐ thường niên 2021 thống nhất:
 - o Thù lao HĐQT / BKS năm 2021 bằng 0,1% trên doanh thu 70 tỷ đồng, tương ứng số tiền 70 triệu đồng.
 - o Trường hợp BT6 không hoàn thành kế hoạch đề ra, HĐQT / BKS chỉ được hưởng 50% mức thù lao đề nghị.
 - o Trường hợp BT6 vượt kế hoạch đề ra, HĐQT / BKS sẽ được thưởng thêm 30% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.
- Kết quả doanh thu năm 2021 đạt 46,56 tỷ đồng, do đó doanh thu 2021 của BT6 không đạt kế hoạch đề ra nên theo quy định HĐQT / BKS chỉ được hưởng 50% mức thù lao đề nghị. Tuy nhiên, năm 2021 lợi nhuận sau thuế - 82,14 tỷ đồng, ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch Covid và cùng góp phần vào chủ trương chung về tiết giảm chi phí, HĐQT đã quyết định tạm ngừng chi thù lao HĐQT/BKS năm 2021. Việc chi thù lao sẽ chờ quyết định sau đó căn cứ vào tình hình tài chính thực tế và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

PHẦN 3:

PHẦN 4: ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

Mục tiêu năm 2021 - 2026:

- Doanh thu năm 2022 là 40 tỷ đồng

BETON 6

- Sản xuất sản phẩm bê tông, chuyển trọng tâm sản xuất dần từ sản phẩm theo công nghệ truyền thống sang sản xuất các sản phẩm theo công nghệ mới, với biên lợi nhuận tốt hơn. Sản xuất các cấu kiện bê tông lắp ghép (tường rào, nhà ở, cổng vòm...).
- Triển khai sản xuất các sản phẩm mới, công nghệ mới như nhà lắp ghép.
- Tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược.
- Hoạt động hợp tác kinh doanh (cho thuê nhà kho, trung tâm thương mại, khu phức hợp văn phòng/nhà ở cho thuê).
- Quy hoạch lại nhà máy với từng mục đích: (i) sản xuất sản phẩm bê tông và sản xuất xây dựng nhà lắp ghép; (ii) cho thuê nhà kho; và (iii) Trung tâm Thương mại, Khu phức hợp Văn phòng/Nhà.
- Tái cấu trúc các khoản nợ phải trả hiện có bằng hình thức mua nợ.
- Tái cấu trúc các hệ thống và quy trình hiện tại để nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong khi tiết kiệm chi phí vận hành.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2021 và định hướng chiến lược của HĐQT Beton 6. Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng, đối tác cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã và đang luôn ủng hộ, tin tưởng và sát cánh cùng Beton 6 trong chặng đường phát triển phía trước.

Kính trình đại hội thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BETON 6
TP. Đ. AN - T. BÌNH DƯƠNG
M.S.D.N : 3700364079 - C.T.C.P



TRỊNH THANH HUY



BETON 6

PHỤ LỤC

(Đính kèm trong Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2021)

BIÊN BẢN / NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

STT	Số	Ngày	Nội dung
1	01	18/01	Điều chỉnh nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
2	02	18/11	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên tài khóa 2020
3	03	30/06	Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi
4	04	21/12	Vay vốn cá nhân phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán các khoản nợ của Công ty



Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Với nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ, thay mặt Ban điều hành Công ty cổ phần Beton 6, tôi xin được báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động trong năm 2022 như sau:

PHẦN 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

1. Tình hình nhân sự / lao động

- Danh sách Ban điều hành sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 30/12/2021 tính đến hiện nay gồm:

- | | |
|-----------------------------|-----------------|
| 1. Ông. Lê Nguyễn Phương | Tổng Giám đốc; |
| 2. Bà. Nguyễn Thị Ngọc Trâm | Kế toán trưởng. |

- Tình hình lao động:

Tổng số lao động tính đến cuối năm 2021 là 105 người, trong đó:

- o Đại học / trên đại học: 20,4 %
- o Cao đẳng / Trung cấp: 10,7 %
- o Trung học: 68,9 %

➤ Tỷ lệ nhân viên giảm hơn 40% so với năm 2020 (175 người).

➤ Thu nhập bình quân năm 2021: 8,17 triệu đồng/người/tháng giảm 32,6% so với năm 2020 (12,1 triệu đồng/người/tháng).

2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của năm 2021:

- Doanh thu năm 2021 đạt 46,6 tỷ đồng, đạt 67% so với kế hoạch ban đầu (70 tỷ đồng), giảm 48% so với cùng kỳ năm 2020 (89,6 tỷ đồng). Trong đó:

- o Doanh thu mảng sản phẩm công nghiệp của năm 2021 là 43,4 tỷ đồng giảm 44,1% so với năm 2020 (77,7 tỷ đồng);
- o Doanh thu mảng thi công xây lắp của năm 2021 là 0 tỷ đồng, giảm 100% so với năm 2020 (7,6 tỷ đồng);
- o Doanh thu khác năm 2021 là 3,19 tỷ đồng, giảm 26% so với năm 2020 (4,32 tỷ



đồng).

- Lợi nhuận trước và sau thuế của năm 2021 là (-82,14 tỷ đồng), lỗ giảm 68,6% so với năm 2020 (- 261,6 tỷ đồng).
- Giá vốn hàng bán năm 2021 là 52,19 tỷ đồng, giảm 62,7% so với năm 2020 (139.96 tỷ đồng).
- Lợi nhuận gộp năm 2021 là (-5,64 tỷ đồng), giảm lỗ 88,8% so với năm 2020 (-50,32 tỷ đồng).

3. Doanh thu khác và chi phí khác năm 2021

- Năm 2021 không phát sinh chi phí bán hàng, nguyên nhân chính do trong kỳ công ty thực hiện tiết kiệm chi phí.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 là 46,38 tỷ đồng, giảm 70,3% so với năm 2020 (155,9 tỷ đồng) do trong kỳ công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi ít hơn so với năm 2020.
- Doanh thu tài chính năm 2021 là 29,5 triệu đồng, giảm 97,8% so với năm 2020 (1,32 tỷ đồng) do công ty không trích lãi các khoản cho các công ty khó khăn tài chính vay.
- Chi phí tài chính năm 2021 là 31,1 tỷ đồng, giảm 42,9% so với năm 2020 (54,5 tỷ đồng) lý do giảm các khoản lãi vay phải trả và hoàn nhập các khoản trích lập dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Lợi nhuận khác năm 2021 là 948 triệu đồng, tăng 142% so với năm 2020 (-2,25 tỷ đồng) do không phát sinh các khoản lãi phạt trả chậm nợ nhà cung cấp, các khoản nợ không thu hồi được.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021:

Kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế năm 2021 lỗ 82,14 tỷ đồng do nhiều nguyên nhân:

- Dịch bệnh covid 19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải tạm dừng sản xuất hơn 03 tháng để thực hiện giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh theo Chỉ Thị của Thủ Tướng Chính Phủ.
- Năm 2021 Beton 6 thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khoảng 41 tỷ đồng.
- Các dự án lớn bị tạm dừng hoạt động và một số dự án lớn đã hoàn thành xong.
- Beton 6 vẫn tiếp tục trong tình trạng thiếu nguồn vốn, nội bộ Beton 6 vẫn tiếp tục cải tổ tái cấu trúc nhân sự và hoạt động.
- Beton 6 đang trong tình trạng thực hiện các thủ tục phá sản.
- Công ty cơ cấu lại hệ thống sản phẩm, ưu tiên sản xuất những mặt hàng, những sản phẩm công nghệ cao, siêu trường, siêu trọng; Công ty tạm ngưng các hoạt động kinh doanh không sinh lãi, chỉ tập trung vào sản xuất các sản phẩm bê tông và chủ yếu gia công cho khách hàng thay vì tự mua nguyên vật liệu về sản xuất thành phẩm như các năm trước đây.

Những yếu tố trên làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay giảm sút so với năm trước.

5. Tình hình thực hiện các mục tiêu khác của năm 2021:

Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV Beton 6 vẫn đang nỗ lực hết mình trong việc duy trì và đảm bảo các mục tiêu đề ra trong năm 2021, cụ thể như sau:

- Hoạt động tài chính lành mạnh, minh bạch.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất của nhà máy như cho thuê kho bãi, hợp tác kinh doanh.
- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng.
- Tích cực thu hồi nợ.
- Liên tục cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, lấy đó làm lợi thế cạnh tranh của Beton 6 trên thị trường.
- Tiếp tục duy trì các dự án hiện hữu.
- Tích cực tìm kiếm nhà đầu tư mới.

6. Một số hoạt động của Ban điều hành trong năm 2021

- Dừng tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh không sinh lãi, cắt giảm chi phí, nhân sự.
- Tập trung vào các sản phẩm công nghệ cao, siêu trường, siêu trọng.
- Chủ yếu gia công các sản phẩm cho khách hàng thay vì mua nguyên vật liệu sản xuất như trước đây.
- Tăng cường thu hồi nợ, tài chính minh bạch, phản ánh đúng tình hình thực tế của Beton 6.

7. Những khó khăn mà Công ty đang phải đối mặt:

- Một số dự án lớn mà Beton 6 đã ký trước đó bị trì hoãn hoặc có khả năng bị hủy bỏ.
- Số lượng đơn hàng xây dựng giảm.
- Thiếu hụt nguồn vốn trầm trọng.
- Giá nguyên vật liệu tăng cao.
- Thiếu hụt nguồn nhân công.
- Dịch bệnh có thể quay lại bất cứ lúc nào.
- Áp lực đòi nợ từ các chủ nợ lớn, nhỏ. Đa phần đều nộp đơn yêu cầu đến Tòa án, cơ quan thi hành án yêu cầu Beton 6 phải thanh toán các khoản nợ cũ.
- Beton 6 đang rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán và đang thực hiện các thủ tục phá sản.
- Mua hàng hóa đều phải thanh toán trả trước 100%.
- Vốn chủ sở hữu bị âm.
- Cơ quan kiểm toán ra ý kiến trái ngược đối với Báo cáo Tài chính năm 2021.



PHẦN 2 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Nhận định chung về tình hình thị trường:

Thị trường rất khó khăn, một số dự án lớn bị trì hoãn, dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó là sự thiếu hụt nguồn vốn để

đầu tư vào các dự án lớn.


2. Mục tiêu chiến lược trung và dài hạn (2021-2026)

- Doanh thu năm 2022 là 40 tỷ đồng
- Sản xuất sản phẩm bê tông, chuyển trọng tâm sản xuất dần từ sản phẩm theo công nghệ truyền thống sang sản xuất các sản phẩm theo công nghệ mới, với biên lợi nhuận tốt hơn. Sản xuất các cấu kiện bê tông lắp ghép (tường rào, nhà ở, cống vòm...).
- Triển khai sản xuất các sản phẩm mới, công nghệ mới như nhà lắp ghép.
- Tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược.
- Hoạt động hợp tác kinh doanh (cho thuê nhà kho, trung tâm thương mại, khu phức hợp văn phòng/nhà ở cho thuê).
- Quy hoạch lại nhà máy với từng mục đích: (i) sản xuất sản phẩm bê tông và sản xuất xây dựng nhà lắp ghép; (ii) cho thuê nhà kho; và (iii) Trung tâm Thương mại, Khu phức hợp Văn phòng/Nhà.
- Tái cấu trúc các khoản nợ phải trả hiện có bằng hình thức mua nợ.
- Tái cấu trúc các hệ thống và quy trình hiện tại để nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong khi tiết kiệm chi phí vận hành.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2021 của Ban điều hành Beton 6. Thay mặt Ban điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng, đối tác cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã và đang luôn ủng hộ, tin tưởng và sát cánh cùng Beton 6 trong chặng đường phát triển phía trước.

Kính trình đại hội thông qua./.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
CỔ PHẦN
BETON 6

LÊ NGUYỄN PHƯƠNG

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 những nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động.
- BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT của Công ty và có những trao đổi đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban giám đốc trong các cuộc họp.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT, Ban giám đốc trong năm 2021 theo quy định pháp luật và của Công ty.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán và xem xét các báo cáo tài chính và việc tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thăm tra các Báo cáo tài chính Quý, Năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành:

- Năm 2021 HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và không định kỳ đưa ra các phương hướng hoạt động cho Ban điều hành và đã ban hành các Nghị Quyết phù hợp, tuân thủ quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.
- HĐQT đã ban hành các Nghị Quyết liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị Quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thẩm quyền và tuân thủ đúng quy định pháp luật và Công ty.
- Trong năm 2021, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan như sau:
 - ✓ Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - ✓ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
 - ✓ Vay vốn cá nhân phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán các khoản nợ của Công ty.
- Các quy trình hoạt động của Ban điều hành Công ty đã thực hiện trên cơ sở tuân thủ pháp luật và các quy định của Công ty.



- Năm 2021, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt được kế hoạch theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra, tình hình tài chính ngày càng xấu đi, lợi nhuận sau thuế âm. Tuy nhiên, BCTC 2021 đã phản ánh trung thực đúng thực trạng tình hình tài chính, tình hình chung của Công ty Beton 6.

III. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021:

- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Beton 6 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán A&C, BKS ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty có ý kiến trái ngược do chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán liên quan đến các vấn đề:
 - Số dư của một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách tại ngày 31/12/2021 như phải thu khách hàng 80,9 tỷ đồng, trả trước cho người bán ngắn hạn 69,5 tỷ đồng, phải trả người bán ngắn hạn 58,6 tỷ đồng, người mua trả tiền trước ngắn hạn 34,4 tỷ đồng.
 - Khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán và các khoản ứng trước cho nhà cung cấp tồn lâu cũng như số dự phòng cần phải trích lập cho các nợ phải thu quá hạn này.
 - Giá trị thuần của hàng tồn kho chậm luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, chi phí sản xuất dở dang, thành phẩm và hàng hóa tồn lâu có giá trị theo sổ sách là 39,9 tỷ.
 - Tòa án đã có quyết định mở thủ tục phá sản đối với Beton 6. Tuy nhiên, Beton 6 chưa thực hiện đánh giá lại toàn bộ tài sản và nợ phải trả và chưa thực hiện lập báo cáo theo nguyên tắc lập và trình bày BCTC của doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục với các bằng chứng hiện có tại Beton 6. Do đó, kiểm toán chưa thể đánh giá được giá trị của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31/12/2021.
- Kết thúc năm tài chính 2021, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Beton 6 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Doanh thu thuần	70 tỷ	89,6 tỷ	70 tỷ	46,6 tỷ
Giá vốn		140 tỷ		52,2 tỷ
Doanh thu tài chính		1,3 tỷ		29 triệu
Chi phí tài chính		54,5 tỷ		31,1 tỷ
Chi phí bán hàng		0		0

Chi phí quản lý		155,9 tỷ		46,4 tỷ
Thu nhập khác		645 triệu		1,001 tỷ
Chi phí khác		2,9 tỷ		52,6 triệu
Lợi nhuận trước thuế		-261,6 tỷ		-82,14 tỷ
Lợi nhuận sau thuế		-261,6 tỷ		-82,14 tỷ

IV. Kiến nghị:

- Đề nghị HĐQT, Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện tìm kiếm thêm các Công trình, dự án xây dựng, đơn hàng mới để tăng doanh thu, tạo việc làm cho cán bộ công nhân, vừa duy trì thế mạnh truyền thống về sản xuất dầm, cọc, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả thu hồi nợ đặc biệt là các khoản nợ khó đòi.
- Quy hoạch lại mặt bằng và tận dụng mặt bằng, gia tăng tìm kiếm đối tác để phát triển vấn đề cho thuê kho bãi nhằm tăng nguồn thu và lợi nhuận cho Công ty
- Hạn chế tối đa công nợ nội bộ.
- Ổn định và hoàn thiện bộ máy điều hành của Công ty.
- Chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty tương đối cao so với nguồn thu. Vì vậy Ban điều hành cần có biện pháp kiểm soát việc lập và quản lý chi phí của Công ty sát sao hơn nữa.
- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc tái cơ cấu nợ và giải quyết nhanh các vấn đề liên quan đến mở thủ tục phá sản tại Tòa án để không ảnh hưởng đến người lao động và đối tác, khách hàng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban kiểm soát

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BETON 6

M.S.D.N : 3700361079
TP. Đ. AN - T. BÌNH DƯƠNG

PHẠM THỊ THANH THỦY

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

**TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022***Kính thưa Quý cổ đông*

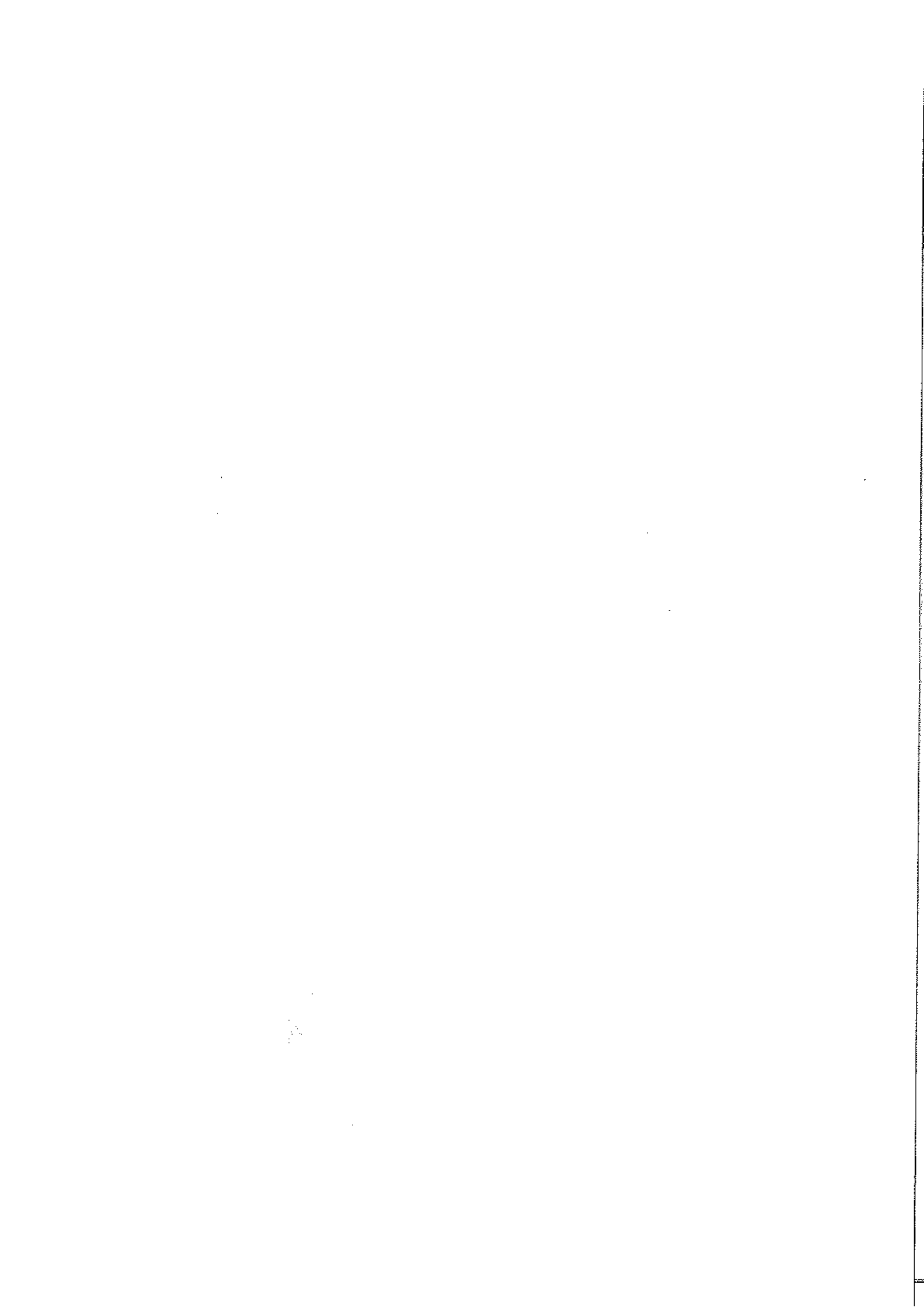
Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty năm 2021 khoản lỗ sau thuế là 82,14 tỷ đồng. Vì vậy lợi nhuận phân bổ cho các Quỹ phúc lợi, khen thưởng là 0 đồng.

Đề mục	% phân bổ	Số tiền	Tỉ lệ trích	Trên
<u>Lợi nhuận sau thuế 2021</u>	<u>0%</u>	<u>0</u>		
Quỹ khen thưởng cổ phiếu cho CBCNV	0%	-	0%	VĐL
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0%	-	0%	LNST
Quỹ phát triển sản xuất	0%	0	0%	LNST
Cổ tức	0%	-	0%	VĐL
Lợi nhuận giữ lại	0%	<u>0</u>	0%	LNST

Kính trình đại hội thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BETON 6
TP. DĨ AN - BÌNH DƯƠNG

TRỊNH THANH HUY





CÔNG TY CP BETON 6
Số: 02/2022/TT-BT6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

V/v: Thù lao của Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Beton 6

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số Luật số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Beton 6.

Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về thù lao Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch thù lao năm 2022 như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2021:

Ngày 30/12/2021, Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 thống nhất:

- Trong năm 2021, HĐQT đề nghị mức thù lao HĐQT/BKS năm 2021 bằng 0,1% trên doanh thu 70 tỷ đồng, tương ứng số tiền 70 triệu đồng.
- Trường hợp BT6 không hoàn thành kế hoạch đề ra, HĐQT/BKS chỉ được hưởng 50% mức thù lao đề nghị.
- Trường hợp BT6 vượt kế hoạch đề ra, HĐQT/BKS sẽ được hưởng thêm 30% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

Nay, Với kết quả SXKD 2021 chưa thực sự khởi sắc như mong muốn, lợi nhuận sau thuế bị âm 82,14 tỷ đồng và cùng góp phần vào chủ trương chung về tiết giảm chi phí, HĐQT quyết định trình ĐHĐCĐ thông qua việc tạm ngừng chi thù lao HĐQT/BKS năm 2021. Việc chi thù lao sẽ chờ quyết định sau đó căn cứ vào tình hình tài chính thực tế và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Đề xuất mức thù lao Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2022:

- Trong năm 2022, HĐQT đề nghị mức thù lao HĐQT/BKS năm 2022 bằng 0,1% trên

doanh thu 40 tỷ đồng, tương ứng số tiền 40 triệu đồng.

- Trường hợp BT6 không hoàn thành kế hoạch đề ra, HĐQT/BKS chỉ được hưởng 50% mức thù lao đề nghị.
- Trường hợp BT6 vượt kế hoạch đề ra, HĐQT/BKS sẽ được thưởng thêm 30% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

Kính trình đại hội thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


TRỊNH THANH HUY

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
*V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm 2022***Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Beton 6**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số Luật số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Beton 6.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Beton 6 kính trình Đại hội cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- Địa chỉ: : Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 84 28 22200237

2. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

- Địa chỉ: 45 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 84 28 35471242

3. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

- Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM.
- Điện thoại: 84 28 35472972

Ban kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Beton 6 thông qua danh sách và ủy quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trên.

Kính trình đại hội thông qua./.



Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
(v/v: *Hủy việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ*)**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Beton 6

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Beton 6;
 - Căn cứ Tờ trình số 2607/2019/TT-HĐQT ngày 26/07/2019 về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ;
 - Căn cứ nhu cầu thực tế và thỏa thuận với các chủ nợ.
1. Tờ trình số 2607/2019/TT-HĐQT ngày 26/07/2019 Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ như sau:
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất phát hành.
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Thời gian thực hiện: dự kiến quý 3 – quý 4/2019.
 - Số lượng cổ phiếu phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ: 1.296.024 cổ phiếu.
 - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.960.240.000 đồng.
 - Giá phát hành để hoán đổi nợ: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Tổng giá trị phát hành để hoán đổi nợ: 12.960.240.000 đồng.
 - Tỷ lệ hoán đổi (dự kiến): 01:10.000, tương đương 01 cổ phiếu sẽ hoán đổi 10.000 đồng nợ.
 - Giá trị khoản nợ hoán đổi: 12.960.240.000 đồng.
 - Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

- Đối tượng chào bán cổ phiếu để hoán đổi nợ là các chủ nợ gồm:
 - a) Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Ân; Mã số thuế: 0305731452; Địa chỉ: 12A12 Mê Linh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
 - b) Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Mã; Mã số thuế: 3700834969; Địa chỉ: Số 77B/13, Khu phố Nội Hóa 2 - Phường Bình An - TX Dĩ An - Bình Dương.

- Và một số vấn đề khác.
2. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ như Tờ trình số 2607/2019/TT-HĐQT ngày 26/07/2019 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước không duyệt hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ của Công ty CP Beton 6.

3. **Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc:**

- Hủy phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ như đã nêu tại Tờ trình số 2607/2019/TT-HĐQT ngày 26/07/2019 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 09/08/2019.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc hủy phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ nêu trên.

Kính trình quý cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Toàn bộ cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRINH THANH HUY

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022****V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Beton 6

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Beton 6 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/12/2021.

Kính thưa Đại hội, Căn cứ các quy định hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Beton 6 theo Bản dự thảo đính kèm Tờ trình này.
2. Giao Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết và ban hành các Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

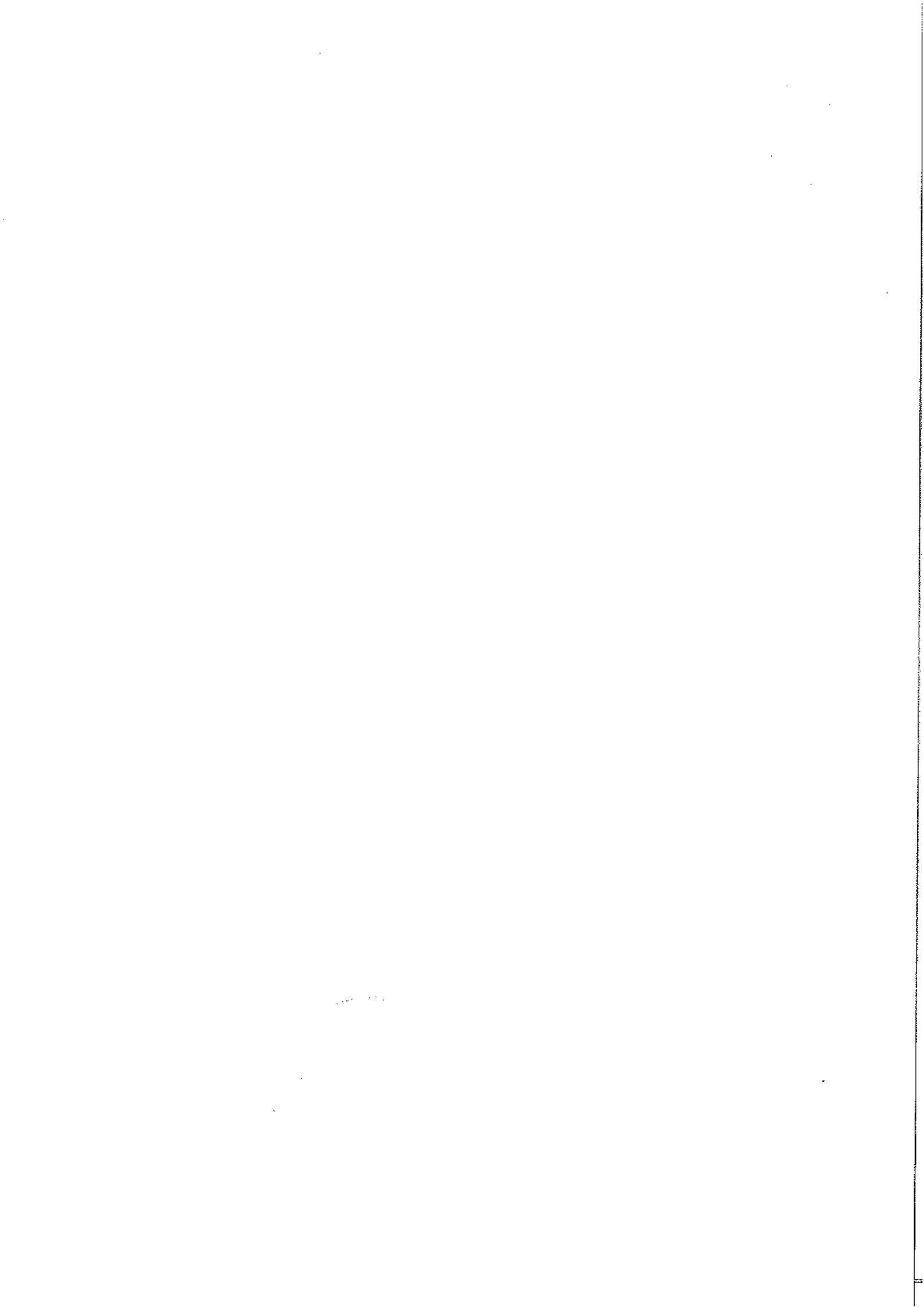
Nơi nhận:

- Toàn bộ cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRỊNH THANH HUY





CÔNG TY CP BETON 6

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6 (“CÔNG TY”)

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều Lệ Công ty cổ phần Beton 6 ngày... tháng... năm...
- Căn cứ Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông sốngày.....
- Hội Đồng Quản Trị Công Ty ban hành Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty (“Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty” hoặc “Quy Chế”) bao gồm các nội dung sau:

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công Ty nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành và những người quản lý doanh nghiệp khác.

Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty quy định các nội dung về

- (a) vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;
- (b) trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- (c) đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc; và
- (d) các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ và các quy định hiện hành khác của Pháp Luật.

1.2 Đối Tượng Áp Dụng:

Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty và những người liên quan của Công Ty.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

2.1 Trong Quy Chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“*Công Ty*” là CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6, như được quy định tại Điều 2 Điều Lệ;

“*Công Ty Con*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó;

“*Công Ty Liên Kết*” là doanh nghiệp mà Công Ty có góp vốn và/hoặc sở hữu cổ phần nhưng chưa phải Công Ty Con;

“*Công Ty Mẹ*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) công ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công Ty; (b) công ty có quyền kiểm soát Công Ty, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc của Công Ty; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;

“*Cổ Đông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;

“*Cổ Đông Lớn*” là Cổ Đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty như được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;

“*Cổ Đông Phổ Thông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công Ty;

“*Điều Lệ*” là Điều Lệ của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua ngày ____ tháng ____ năm ____ được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Chứng Khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Doanh Nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Người Có Liên Quan*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và/hoặc Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

“*Người Quản Lý Doanh Nghiệp*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 24 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp;

“*Pháp Luật*” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

- 2.2 Trong Quy Chế này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng
- 2.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy Chế này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Quy Chế;
- 2.4 Các từ hoặc thuật ngữ viết hoa không được định nghĩa tại Quy Chế này sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều Lệ.
- 2.5 Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Quy Chế này.

ĐIỀU 3. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

3.1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- 3.1.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.
- 3.1.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội Đồng Quản Trị quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- 3.1.3 Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 3.1.4 Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Điều 12 Điều Lệ.
- 3.2 Trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:**

3.2.1 Thẩm quyền triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- (a) Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

- (b) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (i) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (ii) Khi số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật;
- (iii) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Theo đó, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:
 - (A) Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - (B) Hội Đồng Quản Trị vi phạm Điều Lệ Công Ty hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, và bao gồm nội dung sau đây:

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối

với Cổ Đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty;
- Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
- Các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Văn bản yêu cầu phải có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan.

(iv) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát.

(c) Trách nhiệm triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường:

- (i) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát còn lại như quy định tại Điều 3.2.1(b)(ii) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 3.2.1(b)(iii) hoặc Điều 3.2.1(b)(iv);
- (ii) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 3.2.1(c)(i) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- (iii) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 3.2.1(c)(ii) thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 3.2.1(b)(iii) có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

3.2.2 Thông báo về việc triệu tập họp, và xác định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách Cổ Đông có quyền dự họp:

(a) Trước khi tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị phải

tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản Trị để quyết định các vấn đề liên quan đến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông như việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức cho các phòng, ban chuyên môn của Công Ty. Theo đó, Ban tổ chức đại hội sẽ được thành lập để chuẩn bị và triển khai các công tác phục vụ cho cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**Ban tổ chức**"). Ngoài ra, Hội Đồng Quản Trị phải xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp.

- (b) Sau khi họp Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Quản Trị sẽ ban hành Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị trong đó nêu rõ lý do triệu tập, ngày chốt danh sách cổ đông tham dự (ngày đăng ký cuối cùng), ngày diễn ra cuộc họp và địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (c) Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông do Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông này ra thông báo về việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trong thông báo nêu rõ lý do triệu tập họp, thời gian và địa điểm dự kiến tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và ngày chốt danh sách Cổ Đông có quyền tham dự và phải nêu rõ Hội Đồng Quản Trị đã từ chối triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông này. Đính kèm thông báo là danh sách Cổ Đông, nhóm Cổ Đông thực hiện triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (nêu rõ các thông tin của từng Cổ Đông và số cổ phần mà các Cổ Đông sở hữu tại thời điểm triệu tập họp) và văn bản yêu cầu mà Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên đã gửi cho Hội Đồng Quản Trị để yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Thời hạn để Cổ Đông, nhóm Cổ Đông này đại diện Công Ty triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông không được sớm hơn 30 ngày so với ngày gửi yêu cầu cho Hội đồng quản trị yêu cầu triệu tập.
- (d) Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- (e) Thông báo về việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch và trên website của Công Ty.
- (f) Ngoài ra, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ phải thực hiện các công việc sau đây:
 - (i) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
 - (ii) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;

- (iii) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (iv) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (v) Dự thảo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- (vi) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (vii) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
- (viii) Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.

3.2.3 Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- (a) Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (b) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện như sau:
 - (i) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("TTLKCK") để đề nghị TTLKCK lập và gửi cho Công Ty danh sách Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty tại ngày đăng ký cuối cùng. Hồ sơ gửi cho TTLKCK bao gồm các tài liệu sau đây:

Hồ sơ đề nghị TTLKCK lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định của TTLKCK được ban hành và có hiệu lực vào thời điểm đề nghị lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
 - (ii) Bản danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có các thông tin sau:
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần từng loại;

- Số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ Đông.

3.2.4 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- (a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.
- (b) Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, trong đó bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp của Công Ty;
 - (ii) Tên, địa chỉ liên lạc của Cổ Đông;
 - (iii) Thời gian và địa điểm họp;
 - (iv) Nội dung cuộc họp;
- (c) Những yêu cầu đối với người dự họp nhằm đảm bảo cuộc họp được diễn ra thành công;
- (d) Đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp (trong trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm theo thông báo mời họp).
- (e) Các tài liệu sử dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc/và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty, bao gồm:
 - (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - (iii) Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có bầu cử);
 - (iv) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề trong chương trình họp.

3.2.5 Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

- (a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- (b) Nội dung cuộc họp phải là các vấn đề thuộc thẩm quyền Của Đại Hội Đồng Cổ Đông, kèm theo đó là các tài liệu thuyết minh, giải trình, các báo cáo liên quan đến nội dung cuộc họp hoặc thông tin chi tiết của ứng viên trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, bầu thành viên Ban Kiểm Soát. Chương trình họp phải xác định rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- (c) Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp theo cách thức được quy định tại Điều 3.2.4 của Quy chế này.
- (d) Kiến nghị của Cổ Đông đưa vào chương trình họp.
 - (i) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trở lên có quyền kiến nghị vấn đề để đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (ii) Kiến nghị phải được lập thành văn bản và được gửi đến cho Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty hoặc Ban tổ chức (trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập họp) hoặc gửi đến Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đại diện Công Ty triệu tập họp theo quy định tại Điều 3.2.1 của Quy chế này, chậm nhất là (bảy) 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc để trình Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, chuẩn bị tài liệu họp cho các kiến nghị này (trong trường hợp kiến nghị được người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận đưa vào chương trình họp).
 - (iii) Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và chữ ký của Cổ Đông hoặc tất cả các Cổ Đông trong nhóm Cổ Đông. Trường hợp nhóm Cổ Đông cùng kiến nghị nội dung để đưa vào chương trình họp, thì kèm theo Văn bản kiến nghị, nhóm Cổ Đông phải gửi kèm theo Biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm Cổ Đông.
- (e) Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ có quyền từ chối các kiến nghị này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 3.2.5(d) này;
 - (ii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (iii) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không

nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định Điều lệ Công Ty.

- (f) Trong trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu trên thì phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và phải trả lời chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông.
- (g) Nếu không thuộc các trường hợp từ chối nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa các kiến nghị này vào chương trình và nội dung cuộc họp dự kiến, đồng thời đăng tải nội dung kiến nghị và các tài liệu họp liên quan đến kiến nghị này lên trang thông tin điện tử của Công Ty để các Cổ Đông theo dõi và xem xét. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3.2.6 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- (a) Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác (“**Người Được Ủy Quyền Dự Họp**”) tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông. Ngoài ra, Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị làm đại diện cho mình tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (b) Văn bản ủy quyền không nhất thiết phải được lập theo mẫu của Công Ty, nhưng phải đảm bảo được lập theo đúng quy định của pháp luật về dân sự và phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - (i) Phải nêu rõ thông tin của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Nếu Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp là cá nhân thì nêu rõ tên, số căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân. Trường hợp Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp là tổ chức thì nêu rõ tên, mã số doanh nghiệp của tổ chức và địa chỉ trụ sở chính.
 - (ii) Số lượng cổ phần được ủy quyền (trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Họp thì phải xác định cụ thể số lượng cổ phần được ủy quyền của từng Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Trường hợp Cổ Đông không xác định rõ số lượng cổ phần được ủy quyền tương ứng cho từng Người Được Ủy Quyền Dự Họp thì tự động được hiểu là số cổ phần của Cổ Đông sẽ được chia đều cho các Người Được Ủy Quyền Dự Họp);
 - (iii) Nội dung ủy quyền và phạm vi ủy quyền: trong đó nêu cụ thể phạm vi và nội dung ủy quyền mà Người Được Ủy Quyền Dự Họp được phép thực hiện;

- (iv) Thời hạn ủy quyền (Cổ Đông phải đảm bảo văn bản ủy quyền phải còn hiệu lực cho đến khi hoàn thành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông); và
 - (v) Phải có chữ ký của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là tổ chức) và chữ ký của Người Được Ủy Quyền Dự Họp (trường hợp Người Được Ủy Quyền Dự Họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp).
- (c) Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp hoặc có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc đại hội. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Phạm vi ủy quyền lại phải giống với phạm vi ủy quyền ban đầu của Cổ Đông.
- (d) Khi Cổ Đông chấm dứt hoặc thay đổi Người Được Ủy Quyền Dự Họp thì phải thông báo bằng văn bản đến Công Ty trước ngày khai mạc đại hội.

3.2.7 Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- (a) Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công Ty trước ngày khai mạc bằng nhiều hình thức (miễn việc đăng ký tham dự này được thực hiện trong thời hạn được nêu trong Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông) cụ thể như: (1) gửi thư điện tử hay gửi fax về Công Ty; hoặc (2) đăng ký qua điện thoại; hoặc (3) gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết cho Ban tổ chức đại hội để kiểm tra, đối chiếu và đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.
- (b) Trường hợp Cổ Đông không đăng ký tham dự họp trước ngày khai mạc, Cổ Đông vẫn có thể đăng ký tham dự trực tiếp tại Đại hội.
- (c) Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức phải tiến thành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Ban tổ chức đại hội sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách Cổ Đông (“Ban kiểm tra tư cách cổ đông”). Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông làm thủ tục đăng ký tại bàn đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự đã được soạn sẵn.

- (d) Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội, kiểm tra thư mời, văn bản ủy quyền (nếu có). Trong trường hợp Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội tham dự nhưng không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội đó.
- (e) Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- (f) Khi đăng ký tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, dựa trên các tài liệu họp đã được gửi kèm theo thư mời hoặc đăng tải lên website của Công Ty, Cổ Đông chịu trách nhiệm kê khai chi tiết và trung thực về các lợi ích có liên quan của mình đối với các nội dung của chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để Ban kiểm phiếu xem xét, loại bỏ Phiếu biểu quyết của Cổ Đông này (trong trường hợp Cổ Đông này vẫn tham gia biểu quyết) khi tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp Cổ Đông không kê khai hoặc kê khai không chính xác, trung thực về các lợi ích liên quan của Cổ Đông đó với các nội dung của chương trình họp và gây thiệt hại cho các Cổ Đông khác và/hoặc Công Ty, thì Cổ Đông đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ các thiệt hại mà Công Ty và/hoặc các Cổ Đông khác phải gánh chịu (nếu có).

3.2.8 Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- (a) Để tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hội có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải đáp ứng một tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 16 Điều Lệ Công Ty, cụ thể:
 - (i) Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Hội có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đại diện cho ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng cổ phần có quyền biểu quyết;
 - (ii) Hết ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông như được nêu ở trên, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời tham dự cuộc họp lần hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông và những

Người Được Ủy Quyền Dự Hội Đại Diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự hội.

- (iii) Hết ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai như được nêu ở trên, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Hội tham dự.
- (b) Trong trường hợp triệu tập họp lần hai và lần ba như nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách mà TTLKCK đã cung cấp trong lần triệu tập họp thứ nhất.
- (c) Chương trình và nội dung cuộc họp lần hai và/hoặc lần ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

3.2.9 Cách thức bỏ phiếu, biểu quyết:

- (a) Phiếu biểu quyết sẽ được gửi cho Cổ Đông kèm theo thư mời họp hoặc được đăng tải trên website của Công Ty hoặc được Ban tổ chức cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội tại thời điểm tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông, trên đó thể hiện các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Số đăng ký/mã số của Cổ Đông;
 - (ii) Họ và tên của Cổ Đông hoặc họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Hội (nếu có);
 - (iii) Số cổ phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội được ủy quyền;
 - (iv) Vấn đề cần biểu quyết; và
 - (v) Tình trạng biểu quyết (gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến).

Nội dung của Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- (b) Trong trường hợp nội dung cuộc họp có thực hiện việc bầu thành viên Hội

đồng quản trị, bầu thành viên Ban Kiểm Soát, thì Công Ty sẽ cấp cho Cổ Đông phiếu bầu cử. Trong đó, phiếu bầu cử sẽ bao gồm các thông tin sau:

- (i) Số đăng ký/mã số của Cổ Đông;
 - (ii) Họ và tên của Cổ Đông hoặc họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có);
 - (iii) Số cổ phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp được ủy quyền;
 - (iv) Tên ứng viên;
 - (v) Số phiếu bầu cho (từng) ứng viên;
- (c) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trên Phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào các tình trạng tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến cho từng vấn đề. Đồng thời, các Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải tuân theo sự hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- (d) Phiếu biểu quyết hợp lệ phải thể hiện rõ ý kiến tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề cụ thể và được Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp ký tên hợp lệ.
- (e) Khi thực hiện biểu quyết xong, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp bỏ các Phiếu biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.
- (f) Ngoài ra, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp cũng có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử. Các Cổ Đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng hình thức gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- (g) Để đảm bảo tránh các trường hợp xung đột lợi ích, các Cổ Đông có lợi ích liên quan sẽ không tham gia biểu quyết đối với các vấn đề mà Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông được xác định là có quyền và lợi ích liên quan để đảm bảo tính minh bạch và công bằng của cuộc họp. Đối với các nội dung khác, Cổ Đông đó vẫn có quyền biểu quyết bình thường.
- (h) Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

3.2.10 Cách thức kiểm phiếu:

- (a) Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- (b) Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - (i) Tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử;
 - (ii) Lập biên bản và công bố công khai Biên bản kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử trước Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (iii) Bàn giao các Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử đã niêm phong cho Ban tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (iv) Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số liệu, kiểm tra, lập biên bản kiểm phiếu và công bố công khai kết quả kiểm phiếu.

Trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm phiếu được xác định như sau:

- (A) Trưởng ban kiểm phiếu: chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (B) Thành viên phụ trách về số liệu, thống kê: chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tính chính xác của số liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở công tác nhập liệu, tính toán, thống kê số liệu về liên quan đến việc tiến hành cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và số liệu kiểm phiếu.
 - (C) Thành viên giám sát kiểm phiếu: chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện của Ban kiểm phiếu.
- (c) Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra các phiếu biểu quyết và tổng hợp các nội dung sau:
 - (i) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết;
 - (ii) Số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
 - (iii) Tổng số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”

đối với từng vấn đề, trong đó các phiếu biểu quyết trắng sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”.

- (d) Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/hoặc các công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, rút ngắn thời gian của việc kiểm phiếu và phòng tránh sai sót, đồng thời Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.
- (e) Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

3.2.11 Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung:

- (a) Thời gian và địa điểm diễn ra việc kiểm phiếu;
- (b) Thành phần Ban kiểm phiếu;
- (c) Tổng số Cổ Đông tham dự biểu quyết và tổng số cổ phần của các Cổ Đông tham dự tương ứng;
- (d) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không ý kiến đối với từng vấn đề; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp;
- (e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

3.2.12 Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:

Các vấn đề trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu đáp ứng được tỷ lệ thông qua theo quy định tại Điều lệ Công Ty

Ngoài ra, Đại hội sẽ thực hiện thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông trước khi kết thúc đại hội. Việc thông qua Biên bản họp và toàn văn Nghị quyết sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai tại đại hội

3.2.13 Cách thức phân đối nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông:

Trong trường hợp Cổ Đông phân đối nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì việc phân đối này phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, mã số Cổ Đông, nội dung phân đối và lý do của việc phân đối

Văn bản này sẽ được chuyển đến Thư ký của Công ty để xem xét và ghi nhận

Cổ Đông biểu quyết phân đối quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều Lệ Công Ty.

3.2.14 Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- (a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Công Ty;
 - (ii) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vi) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
 - (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- (ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định nêu trên. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- (b) Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trong trường hợp này thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng
- (c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- (d) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và được công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc;
- (e) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (f) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết đã được thông qua, biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan khác đến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

3.2.15 Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- (a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi nhận tại Nghị quyết đó.
- (b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc.

3.3 **Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**

3.3.1 Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

- (a) Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông đều có

thê thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua trong trường hợp tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- (b) Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

3.3.2 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- (a) Thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản

Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

- (b) Thông báo về việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản

Khi có nhu cầu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị sẽ tiến hành họp để thống nhất các vấn đề cần lấy ý kiến cũng như phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức lấy ý kiến.

Tại cuộc họp, Hội Đồng Quản Trị phải xác định được mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến, đồng thời chốt ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến. Các nội dung này được phải được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.

Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện việc công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo về việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch và trên website của Công Ty

- (c) Lập danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến

Danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công Ty.

Khi có nhu cầu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản, căn cứ theo Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc sẽ gửi hồ sơ thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam để yêu cầu lập danh sách Cổ Đông của Công Ty dựa trên dữ liệu của TTLKCK.

Danh mục các hồ sơ thông báo được theo quy định tại quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được ban hành tùy từng thời điểm.

Danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

Danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến phải có các thông tin như quy định tại Điều 3.2.3 của Quy chế này.

(d) Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến

Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
- (ii) Mục đích lấy ý kiến;
- (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức và họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
- (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- (v) Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- (vi) Thời hạn phải gửi phiếu biểu quyết đã được trả lời về Công Ty, theo đó Cổ Đông phải gửi phiếu biểu quyết đã trả lời về Công Ty trước thời hạn được quy định trong phiếu biểu quyết và thời hạn gửi được tính từ ngày phiếu biểu quyết được gửi đi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ;

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(e) Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến

Hội Đồng Quản Trị gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông.

Các tài liệu giải trình cho dự thảo Nghị quyết và các nội dung cần lấy ý kiến có thể được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến hoặc đăng tải trên website của Công Ty để các Cổ Đông xem xét trước khi thực hiện trả lời phiếu lấy ý kiến.

Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử, trong đó, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín, được tập hợp, lưu trữ riêng và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- (ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được tập hợp lại, lưu trữ riêng và giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

(f) Kiểm phiếu và biên bản kiểm phiếu

Hội Đồng Quản Trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty.

Việc kiểm phiếu được thực hiện theo từng vấn đề lấy ý kiến và tổng hợp theo “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công Ty;
- (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- (iii) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
- (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- (g) Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ ban hành Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

3.4 Trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-DHĐCĐ) trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội Đồng Quản Trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo hình thức họp trực tiếp.

Việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây (tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến):

3.4.1 Thông báo triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến:

Cách thức thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp cho các Cổ Đông của Công Ty hoặc đăng tải các tài liệu này lên website của Công Ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các Cổ Đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

3.4.2 Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho Cổ Đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Theo đó, Cổ Đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách Cổ Đông để tham dự họp.

Cổ Đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi và chỉ khi đã kê khai và xác thực tư cách Cổ Đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của Cổ Đông là duy nhất và mỗi Cổ Đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.

Ban tổ chức cũng sẽ cung cấp cho các Cổ Đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ Cổ Đông truy cập và tham gia cuộc họp.

3.4.3 Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến được tiến hành khi khi có số Cổ Đông đăng ký tham dự họp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 3.2.8 của Quy chế này.

3.4.4 Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công Ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các Cổ Đông trước mỗi kỳ đại hội.

Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email hoặc số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của Cổ Đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

3.4.5 Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Ban Tổ Chức sẽ áp dụng các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ Đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác, và số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp gửi qua bưu điện, thư điện tử và fax. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

3.4.6 Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

3.4.7 Lập biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

Việc lập biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến thực hiện như cách thức và bao gồm các nội như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp theo quy Điều 3.2.14 của Quy chế này. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3.4.8 Công bố Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông:

Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc.

3.5 Trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Bên cạnh việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tiếp và/hoặc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến).

3.5.1 Thông báo triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Cổ Đông có thể tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho các Cổ Đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các Cổ Đông.

Việc đăng ký tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:

- (a) Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại Điều 3.2.7 Quy chế này.
- (b) Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại Điều 3.4.2 Quy chế này.

3.5.2 Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 3.2.8 của Quy chế này.

3.5.3 Cách thức bỏ phiếu

Cổ Đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, (iii) biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

3.5.4 Cách thức kiểm phiếu

Công ty sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ Đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và (ii) số phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu); và (iii) số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp gửi qua bưu điện, thư điện tử và fax.

Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ để thông qua hay không.

3.5.5 Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

3.5.6 Lập biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Ban thư ký sẽ thực hiện lập Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay tại cuộc họp và trình cho Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung như quy định tại mục Điều 3.2.15 Quy chế này.

3.5.7 Công bố Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

ĐIỀU 4. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị, trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị :

4.1.1 Vai trò của Hội Đồng Quản Trị:

Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

4.1.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị:

Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Điều 22 Điều Lệ Công Ty.

4.1.3 Trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị:

Trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Điều Lệ Công Ty và các nghĩa vụ sau:

- (a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ Đông và của Công Ty;
- (b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- (c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công Ty Con, Công Ty Liên Kết và các tổ chức khác;
- (d) Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những Người Có Liên Quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là Người Quản Lý Doanh Nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- (e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của Pháp Luật.

4.2 **Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị:**

4.2.1 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Hội Đồng Quản Trị có năm (05) thành viên.
- (b) Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 năm. Trong đó, nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Thành Viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, ngoại trừ việc một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
- (c) Trường hợp tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp bầu bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi

nhiệm hoặc miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung, thay thế này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

4.2.2 Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty như sau:
 - (i) Công Ty phải đảm bảo tối thiểu là một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành;
 - (ii) Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị.
- (b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội Đồng Quản Trị:
 - (i) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - (ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty;
 - (iii) Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức;

4.2.3 Đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị:

Chỉ Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền mới được ứng cử và/hoặc đề cử ứng viên vào Hội Đồng Quản Trị, theo đó:

- (a) Nếu các Cổ Đông Phổ Thông hợp thành nhóm để ứng cử, đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị thì phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước và hồ sơ đề cử, ứng cử của mình đến Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông. Hồ sơ bao gồm:
 - (i) Văn bản ứng cử/đề cử;
 - (ii) Lý lịch của người được đề cử/ứng cử, bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội Đồng Quản Trị và các chức danh quản lý khác;
 - Lợi ích có liên quan tới Công Ty và Người Có Liên Quan của Công ty.
- (iii) Văn bản cam kết của ứng viên trong đó thể hiện:
- ứng viên chấp nhận việc đề cử của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông;
 - cam kết sẽ hành động, thực hiện công việc một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp.
- (iv) Ngoài ra, đối với nhóm Cổ Đông cần cung cấp thêm:
- danh sách đầy đủ của nhóm Cổ Đông đề cử;
 - tổng số cổ phần mà nhóm Cổ Đông hiện đang nắm giữ;
 - văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ Đông về việc đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- (b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị hoặc các Cổ Đông khác ứng cử, đề cử trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị đề cử không đủ.
- (c) Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ Đông và nhóm Cổ Đông có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:
- (i) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty ứng cử, đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
 - (ii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử, tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
 - (iii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần phổ

thông của Công Ty được ứng cử, đề cử, tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;

- (iv) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử tối đa bốn (04) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
 - (v) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử đủ ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị.
- (d) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu nhầm, trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm, miễn nhiệm, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Hội Đồng Quản Trị để bổ sung, thay thế cho vị trí bị khuyết này.
- (e) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

4.2.4 Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Việc bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- (b) Cổ đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ Đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế này.
- (c) Cổ Đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách để nguyên tên ứng

viên được chọn và gạch ngang đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị được phép bầu.

- (d) Căn cứ vào số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- (e) Ứng viên trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.
- (f) Trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được số phiếu bầu ngang nhau thì:
 - (i) Nếu ứng viên là Cổ Đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
 - (ii) Nếu ứng viên không là Cổ Đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội Đồng Quản Trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

4.2.5 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Theo quy định tại Điều 21.5(a) của Điều Lệ Công Ty thì việc miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau:
 - (i) Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty: Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập cáo cáo đánh giá, giải trình về việc thành viên đó không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện. Sau đó đề xuất và trình Hội Đồng Quản Trị biểu quyết để quyết định trước khi trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.
 - (ii) Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức: Đơn từ chức phải được gửi cho Hội Đồng Quản Trị ở trụ sở chính của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị sau khi nhận được đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị sẽ thụ lý xem xét và trình Hội đồng quản trị quyết định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Việc miễn nhiệm trong trường hợp này chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (iii) Trong trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông: Việc miễn nhiệm này

sẽ có hiệu lực tại thời điểm Đại Hội Đồng Cổ Đông ban hành nghị quyết hoặc tại thời điểm được quy định cụ thể trên Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- (b) Theo quy định tại Điều 21.5(b) Điều Lệ Công Ty thì việc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - (i) Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không tham gia hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. Việc không tham gia hoạt động của Hội Đồng Quản Trị bao gồm việc không tham gia họp Hội Đồng Quản Trị, không hoàn thành nhiệm vụ và/hoặc không thực hiện các nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị phân công. Trong trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị sẽ thu thập thông tin, lập báo cáo, đề xuất và trình Hội đồng quản trị quyết định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - (ii) Trong trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì việc bãi nhiệm này sẽ có hiệu lực tại thời điểm Đại Hội Đồng Cổ Đông ban hành nghị quyết hoặc tại thời điểm được quy định cụ thể trên Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (c) Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - (i) Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ Công Ty;
 - (ii) Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
- (d) Việc bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu dựa trên danh sách ứng viên do (i) Cổ Đông, nhóm Cổ Đông đề cử và (ii) Hội đồng quản trị giới thiệu.

4.2.6 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị:

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, thì Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc (Người đại diện theo pháp luật của Công Ty) phải thực hiện công bố thông tin theo quy định Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4.2.7 Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Cổ Đông, nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 9.4 và Điều 9.5 của Điều Lệ Công Ty có thể ứng cử, đề cử, giới thiệu ứng viên Hội Đồng Quản Trị.
- (b) Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin về ứng viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Pháp Luật, tùy tính sẵn sàng của thông tin ứng viên để Cổ Đông có thể tìm hiểu về ứng viên trước khi bỏ phiếu.
- (c) Danh sách ứng viên thành viên Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo đáp ứng đủ số lượng và đáp ứng đúng các tiêu chí, tiêu chuẩn của thành viên cần bầu bổ sung, thay thế.
- (d) Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu;
- (e) Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- (f) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (ii) Trình độ học vấn;
 - (iii) Trình độ chuyên môn và quá trình công tác;
 - (iv) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - (v) Họ, tên của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - (vi) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và Người Có Liên Quan của Công Ty.

4.2.8 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.

- (b) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị đó. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được thực hiện theo Quyết định của Hội Đồng Quản Trị

4.3 Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

4.3.1 Công Ty trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

4.3.2 Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị được trả theo quy định sau đây:

- (a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.
- (b) Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.
- (c) Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- (d) Thành viên Hội Đồng Quản Trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4.3.3 Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

4.4 Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị:

4.4.1 Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý/năm:

Hội Đồng Quản Trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường để thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4.4.2 Các trường hợp phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị bất thường:

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp

Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Giám đốc Điều Hành;
- (b) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát;
- (c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

4.4.3 Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- (a) Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp.
- (b) Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tùy thuộc vào từng thời điểm, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
- (c) Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, đồng thời có thể kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;
- (d) Địa điểm họp Hội Đồng Quản Trị có thể là tại trụ sở chính của Công Ty hoặc địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

4.4.4 Quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị của thành viên Ban Kiểm Soát:

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4.4.5 Điều kiện tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị lần thứ nhất chỉ có thể được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia dự họp.
- (b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại lần hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn

một nửa (1/2) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

- (c) Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

4.4.6 Cách thức biểu quyết:

- (a) Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- (b) Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền (nếu có) tham dự cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- (c) Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể gửi phiếu biểu quyết đã trả lời đến cuộc họp thông qua bưu điện, fax, thư điện tử. Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua bưu điện phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải gửi trước khi kết thúc kiểm phiếu.
- (d) Trong trường hợp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hay các phương tiện điện tử khác, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể đồng ý bằng cách phát biểu “đồng ý”, “không đồng ý” hoặc “không có ý kiến” hoặc biểu quyết bằng cách giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận.
- (e) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được quyền biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch mà thành viên hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền

biểu quyết.

- (f) Bất kỳ thành viên Hội Đồng Quản Trị nào được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch với Công Ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.
- (g) Theo quy định nêu trên, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4.4.7 Cách thức thông qua nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp (trên 50%).
- (b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như được thông qua tại cuộc họp.

4.4.8 Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; hoặc
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền cho người khác không phải thành viên Hội Đồng Quản Trị khác dự họp và biểu quyết phải được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp nhận;. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và thông báo trước cho Hội Đồng Quản Trị để phê duyệt trước khi khai mạc cuộc họp. Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải xuất trình giấy ủy quyền và giấy tờ pháp lý khác của cá nhân khi tham gia họp Hội đồng quản trị.

4.4.9 Lập biên bản họp Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

- (b) Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải bao gồm tất cả các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - (ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung nêu trên thì biên bản họp có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

- (c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký biên bản họp chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
- (d) Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng anh. Trong trường hợp này, Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- (e) Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

4.4.10 Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty hoặc Ban Thư Ký có trách nhiệm gửi

biên bản họp Hội Đồng Quản Trị đã ký đến các thành viên thông qua thư hoặc thư điện tử/fax đến địa chỉ mà thành viên đó đã đăng ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp;

- (b) Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị phải được thông báo cho Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát để tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện;
- (c) Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị về các nội dung thuộc đối tượng công bố, công khai thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4.5 Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị:

4.5.1 Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập/thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

4.5.2 Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định Pháp Luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công ty.

4.6 Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty:

4.6.1 Tiêu chuẩn của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty:

- (a) Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải là người có hiểu biết và nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công Ty và thị trường chứng khoán
- (b) Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

4.6.2 Việc bổ nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty:

- (a) Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có thể là nhân sự chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Số lượng Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do Hội đồng quản trị quyết định.
- (b) Hội đồng quản trị sẽ ban hành quyết định bổ nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty (Thư ký Công ty) là 05 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.
- (c) Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty: các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn: tóm tắt trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong Công Ty, số lượng cổ phiếu của Công Ty đang nắm giữ..v.v...

4.6.3 Các trường hợp miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty:

Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

4.6.4 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty:

Hội Đồng Quản Trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty với Tổng Giám Đốc và các Giám Đốc Điều Hành.

4.6.5 Quyền và nghĩa vụ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty:

Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
- (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
- (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- (d) Tham dự các cuộc họp;
- (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- (f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát;

- (g) Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
- (h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan (trao đổi thông tin với và giữa Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và Giám Đốc Điều Hành và Cổ Đông);
- (i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;
- (j) Soát xét định kỳ, cung cấp ý kiến tư vấn cho Hội Đồng Quản Trị và Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị để đảm bảo khung, quy chế, thủ tục tuân thủ quy định pháp luật và thực hành quản trị.

ĐIỀU 5. BAN KIỂM SOÁT

5.1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát:

- 5.1.1 Ban Kiểm Soát là cơ quan giám sát các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị Và Tổng Giám Đốc để các hoạt động của Công Ty được minh bạch vì lợi ích của các Cổ Đông và Công Ty.
- 5.1.2 Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều 33 Điều Lệ Công Ty.

5.2 Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm Soát:

5.2.1 Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm Soát:

- (a) Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty là ít nhất là ba (03) thành viên và nhiều nhất là năm (05) thành viên.
- (b) Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát là không quá 05 năm và theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5.2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

- (a) Thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - (i) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

- (ii) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (iii) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Điều Hành;
- (iv) Không phải là Người Quản Lý Công ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công ty;
- (v) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
- (vi) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.

5.2.3 Trưởng Ban kiểm soát

- (a) Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm Soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

5.2.4 Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát:

Chỉ Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền mới được ứng cử và/hoặc đề cử ứng viên vào Ban Kiểm Soát theo đó:

- (f) Nếu các Cổ Đông Phổ Thông hợp thành nhóm để ứng cử, đề cử người vào Ban Kiểm Soát thì phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước và hồ sơ đề cử, ứng cử của mình đến Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông. Hồ sơ bao gồm:
 - (i) Văn bản ứng cử/đề cử;
 - (ii) Lý lịch của người được đề cử/ứng cử, bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh thành viên ban kiểm soát của công ty khác;
 - Lợi ích có liên quan tới Công Ty và Người Có Liên Quan của Công ty.
- (iii) Văn bản cam kết của ứng viên trong đó thể hiện:
- ứng viên chấp nhận việc đề cử của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông;
 - cam kết sẽ hành động, thực hiện công việc một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát;
 - cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp.
- (iv) Ngoài ra, đối với nhóm Cổ Đông cần cung cấp thêm:
- danh sách đầy đủ của nhóm Cổ Đông đề cử;
 - tổng số cổ phần mà nhóm Cổ Đông hiện đang nắm giữ;
 - văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ Đông về việc đề cử thành viên Ban Kiểm Soát.
- (g) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Ban Kiểm Soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm Soát đương nhiệm hoặc các Cổ Đông khác ứng cử, đề cử trong trường hợp Ban Kiểm Soát đề cử không đủ.
- (h) Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ Đông và nhóm Cổ Đông có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:
- (i) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát;
 - (ii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát;
 - (iii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm mươi phần trăm

(50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa hai (03) ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát;

- (iv) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ bảy mươi phần trăm (70%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử đủ ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát.
- (i) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu nhầm, trường hợp một thành viên Ban Kiểm Soát bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm, miễn nhiệm, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Ban Kiểm Soát để bổ sung, thay thế cho vị trí bị khuyết này.

5.2.5 Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

- (a) Việc bầu thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm Soát và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- (b) Cổ Đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ Đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế này.
- (c) Cổ Đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách để nguyên tên ứng viên được chọn và gạch ngang đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên Ban Kiểm Soát được phép bầu.
- (d) Căn cứ vào số lượng thành viên Ban Kiểm Soát được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- (e) Ứng viên trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.
- (f) Trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được số phiếu bầu

ngang nhau thì:

- (i) Nếu ứng viên là Cổ Đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
- (ii) Nếu ứng viên không là Cổ Đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Ban Kiểm Soát lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

5.2.6 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát:

- (a) Thành viên Ban Kiểm Soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 5.2.4 này;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- (b) Thành viên Ban Kiểm Soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ;
 - (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.

5.2.7 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát:

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5.2.8 Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm Soát:

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- (a) Thành viên Ban Kiểm Soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát.

- (b) Thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.
- (c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

ĐIỀU 6. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

6.1 Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành:

- 6.1.1 Tổng Giám Đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công Ty, người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 6.1.2 Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty, các quy chế hoạt động của Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty và Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám Đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.
- 6.1.3 Đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành và các thành viên bộ máy quản lý khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công Ty, đảm bảo các hoạt động của Công Ty diễn ra bình thường và có hiệu quả.
- 6.1.4 Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc phải gửi tờ trình đến Hội Đồng Quản Trị ít nhất bảy (07) ngày trước ngày Hội Đồng Quản Trị ra quyết định hoặc một thời hạn ngắn hơn nếu được tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị đồng ý.
- 6.1.5 Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
- 6.1.6 Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều Hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung thông báo bao gồm:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

- (ii) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

- 6.1.7 Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty. Trường hợp bắt buộc phải thực hiện công việc nhân danh cá nhân thì phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

6.2 Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.

6.2.1 Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- (a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- (b) Tổng Giám Đốc không được kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

6.2.2 Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc:

- (a) Hội Đồng Quản Trị sẽ bỏ nhiệm một thành viên trong Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc.
- (b) Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc với quyết định đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp

thành viên Hội Đồng Quản Trị này kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế.

6.2.3 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6.2.4 Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc:

- (a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị thay mặt Hội Đồng Quản Trị sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác.
- (b) Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công Ty.

ĐIỀU 7. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

7.1 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

7.1.1 Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- (a) Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị, thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị. Nội dung họp giữa Hội Đồng Quản Trị và Tổng giám đốc được tích hợp trong chương trình họp Hội Đồng Quản Trị.
- (b) Tổng Giám đốc không đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được mời họp Hội Đồng Quản Trị, nhưng không biểu quyết;
- (c) Trưởng Ban Kiểm Soát có thể được mời họp Hội Đồng Quản Trị, nhưng không biểu quyết;
- (d) Biên bản họp và Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị phải được cung cấp cho Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc để đảm bảo được thực hiện và giám sát.

7.1.2 Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty thông báo cho Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc theo dõi và tổ chức thực hiện.

7.1.3 Các trường hợp Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội Đồng Quản Trị:

- (a) Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc;
- (b) Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám Đốc;
- (c) Các giao dịch mà Tổng Giám Đốc là một bên liên quan;
- (d) Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
- (e) Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc.

7.1.4 Báo cáo của Tổng Giám Đốc với Hội Đồng Quản Trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- (a) Các nội dung Báo cáo của Tổng Giám Đốc với Hội Đồng Quản Trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp Hội Đồng Quản Trị.
- (b) Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:
 - (i) Tình hình kinh doanh của Công Ty;
 - (ii) Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty;
 - (iii) Các kết quả tài chính của Công ty;
 - (iv) Các kết quả hoạt động kinh doanh;
 - (v) Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ liên quan tới Quản trị công ty, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, cũng như các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

7.1.5 Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc:

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp Hội Đồng Quản Trị.

7.1.6 Các vấn đề Tổng Giám Đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát:

Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- (a) thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm Soát yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.
- (b) Việc cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phải tuân theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty và Quy chế này.

7.1.7 Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị, các thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- (a) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.
- (b) Việc phối hợp này nhằm tránh xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công Ty, tuân thủ các quy định pháp luật.

7.2 Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc:

7.2.1 Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc:

- (a) Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội Đồng Quản Trị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc.
- (b) Trưởng Ban Kiểm Soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Ban Kiểm Soát.

7.2.2 Khen thưởng:

Căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị đối với từng thành viên Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá hoạt động của Ban Kiểm Soát, Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc khen thưởng theo đề xuất của Hội Đồng Quản Trị.

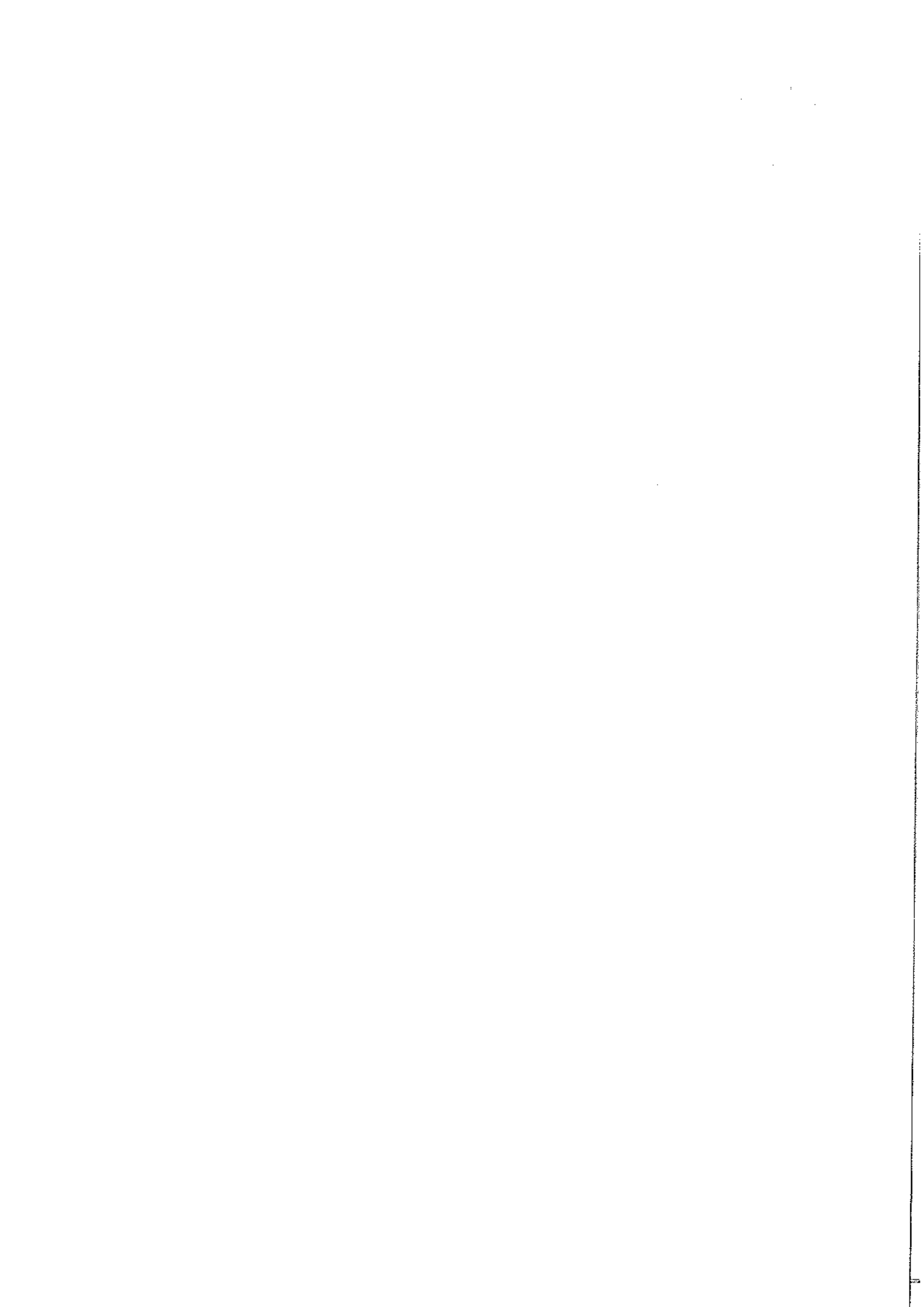
7.2.3 Xử lý vi phạm và kỷ luật:

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn theo quy định tại Điều Lệ Công Ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra và tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 8. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty bao gồm 08 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày
__ tháng __ năm __

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH





CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Bình Dương, ngày..... tháng..... năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6 (“CÔNG TY”)

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công Ty ngày... tháng... năm...
- Căn cứ Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty số ...ngày ...tháng...năm..;
- Hội Đồng Quản Trị Công Ty ban hành Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị của Công Ty (“Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị”) bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của Pháp Luật có liên quan.

1.2 Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội Đồng Quản Trị, các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 2 Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

- 2.1 Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với sự phát triển của Công Ty.
- 2.2 Hội Đồng Quản Trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám Đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 3 Định nghĩa

- 3.1 Trong Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“*Công Ty*” là CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6, như được quy định tại Điều 2 Điều Lệ;

“*Công Ty Con*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bỏ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó;

“*Công Ty Liên Kết*” là doanh nghiệp mà Công Ty có góp vốn và/hoặc sở hữu cổ phần nhưng chưa phải Công Ty Con;

“*Công Ty Mẹ*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) công ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công Ty; (b) công ty có quyền kiểm soát Công Ty, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bỏ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc của Công Ty; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;

“*Cổ Đông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;

“*Cổ Đông Lớn*” là Cổ Đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty như được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;

“*Cổ Đông Phổ Thông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công Ty;

“*Điều Lệ*” là Điều Lệ của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua ngày ___ tháng ___ năm ____, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Chứng Khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Doanh Nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Người Có Liên Quan*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và/hoặc Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

“*Người Quản Lý Doanh Nghiệp*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 24 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp;

“*Pháp Luật*” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

“*Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty*” là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội Đồng Quản Trị xây dựng, trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và do Hội Đồng Quản Trị ban hành, quy định về quản trị, điều hành Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

- 3.2 Trong Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng
- 3.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị;
- 3.4 Các từ hoặc thuật ngữ viết hoa không được định nghĩa tại Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều Lệ.
- 3.5 Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4 Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 4.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.
- 4.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và các nghĩa vụ sau:
- (a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ Đông và của Công Ty;
 - (b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - (c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao nhận được từ các Công Ty Con, Công Ty Liên Kết và các tổ chức khác;
 - (d) Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những Người Có Liên Quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên hoặc cổ đông sáng lập hoặc là Người Quản Lý Doanh Nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - (e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
- 4.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 5 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 5.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các Giám Đốc Điều Hành, người quản lý khác trong Công Ty (gọi chung là "Người Quản Lý") cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.
- 5.2 Người Quản Lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty quy định.

Điều 6 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 6.1 Hội Đồng Quản Trị có năm (05) thành viên.
- 6.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá (năm) 05 năm, và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên

Hội Đồng Quản Trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, ngoại trừ việc một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập của Công Ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

6.3 Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp bầu bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung, thay thế này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

6.4 Cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty như sau:

- (a) Công Ty phải đảm bảo tối thiểu là một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành;
- (b) Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 7 Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội Đồng Quản Trị

7.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- (b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty;
- (c) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty (nếu có quy định).

7.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập (trường hợp Công Ty chọn cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (a) Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, Công Ty Mẹ hoặc Công Ty Con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc Công Ty Con của Công Ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- (b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;
- (c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ Đông Lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc Công Ty Con của Công Ty;

- (d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;
- (e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ;
- (f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty (nếu có quy định).

7.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập có liên quan.

Điều 8 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- 8.1** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 8.2** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty không được kiêm Tổng Giám Đốc.
- 8.3** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (d) Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - (e) Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

- (f) Kiến nghị lên Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
- (g) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định;
- (h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

8.4 Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc kể từ ngày Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

8.5 Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 9 Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

9.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

- (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Pháp luật và/hoặc theo quy định tại Điều Lệ của Công Ty;
- (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- (c) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết.

9.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

- (a) Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (b) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết.

9.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

- (a) Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- (b) Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp;
- (c) Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) và điểm (b) khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10 Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

10.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị như sau:

- (a) Nếu các Cổ Đông Phổ Thông họp thành nhóm để ứng cử, đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị thì phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị hoặc các Cổ Đông khác ứng cử, đề cử trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị đề cử không đủ.
- (c) Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ Đông và nhóm Cổ Đông nêu tại Khoản 1 Điều này có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:
 - (i) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty ứng cử, đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
 - (ii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến

dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử, tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;

(iii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử, tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;

(iv) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử tối đa bốn (04) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;

(v) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ tám mươi phần trăm (80%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử đủ ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị.

(d) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu nhầm, trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm, miễn nhiệm, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Hội Đồng Quản Trị để bổ sung, thay thế cho vị trí bị khuyết này.

10.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty. Việc Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

10.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ Đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng viên với số phiếu cụ thể hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

10.4 Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

10.5 Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì:

- (a) Nếu ứng viên là Cổ Đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
- (b) Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội Đồng Quản Trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm;
- (c) Nếu không rơi vào trường hợp quy định tại điểm (a) hoặc (b) Khoản này thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 11 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

11.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm:

- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (b) Trình độ học vấn;
- (c) Trình độ chuyên môn và quá trình công tác;
- (d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- (e) Họ, tên của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên đó (nếu có);
- (f) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và Người Có Liên Quan của Công Ty.

11.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
QUYỀN, NGHĨA VỤ, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12 Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 12.1 Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 12.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do Pháp Luật, Điều Lệ và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định.
- 12.3 Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
- 12.4 Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của Pháp Luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ Đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13 Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

13.1 Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, quyết định thông qua:

- (a) hợp đồng, giao dịch lớn của Công Ty hoặc Đơn Vị Trực Thuộc của Công Ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, thuê công ty, liên doanh và các hợp đồng, giao dịch khác) có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi lăm phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, và ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- (b) hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:
- (i) Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
 - (ii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Giám Đốc Điều Hành và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
 - (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc

doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Giám đốc Điều Hành làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

- 13.2 Người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14 Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- 14.1 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (b) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật;
- (c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên: yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích triệu tập cuộc họp phù hợp với các trường hợp quy định tại Điều 9.3 (a) của Điều Lệ, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;
- (d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

14.2 Thời hạn triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 1 Điều này.

- 14.3 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- (a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;

- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh Nghiệp;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15 Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị.

- 15.1** Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập/thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 15.2** Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định Pháp Luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

Điều 16 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị

16.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất (được bầu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông) triệu tập và chủ trì. Trưởng họp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và

ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

16.2 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

16.3 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị bất thường

(a) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- (i) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát;
- (ii) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Giám Đốc Điều Hành;
- (iii) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- (iv) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

(b) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm (a) nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở điểm (a) nêu trên có quyền thay thế Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

16.4 Địa điểm họp

Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tiến hành tại địa chỉ trụ sở chính của Công Ty; hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam; hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.

16.5 Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác tùy thuộc vào từng thời điểm và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

16.6 Số thành viên tham dự tối thiểu

Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- (c) Ủy quyền cho người khác không phải thành viên Hội Đồng Quản Trị đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận;
- (d) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- (e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

16.7 Biểu quyết

- (a) Trừ quy định tại Điểm (b) Khoản này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền theo Điểm (b) hoặc (c) Khoản (6) Điều 16 trên tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công

Ty. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Bất kỳ thành viên Hội Đồng Quản Trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Khoản 4 Điều 32 của Điều Lệ sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.

- (c) Theo quy định tại Điểm (b) Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- (d) Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%).

16.8 Biên bản cuộc họp

- (a) Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Biên bản sẽ được Thư ký Công Ty gửi cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

- (b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 16.8 (a) trên đây thì biên bản này có hiệu lực.
- (c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
- (d) Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- (e) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17 Quyết định bằng văn bản.

Quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết. Quyết định này có hiệu lực và giá trị như quyết định được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Chương V BÁO CÁO, THÙ LAO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18 Trình báo cáo hằng năm

- 18.1 Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông báo cáo sau đây:
 - (a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Báo cáo tài chính;
 - (c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - (d) Báo cáo của Ban Kiểm Soát.
- 18.2 Báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này, và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19 Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 19.1 Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 19.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 19.3 Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.
- 19.4 Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 19.5 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.
- 19.6 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc vi phạm Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

Điều 20 Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều Lệ Công Ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 20.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- (b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 20.2 Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 20.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Điều 21 Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 21.1 Quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 21.2 Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty và Quy chế này.
- 21.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

Điều 22 Mối quan hệ với Ban Điều Hành

Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành thực hiện. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23 **Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

- 23.1** Mọi quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 23.2** Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**Điều 24** **Hiệu lực thi hành**

Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị Công Ty cổ phần Beton 6 bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Beton 6

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Beton 6 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/12/2021.

Kính thưa Đại hội, Căn cứ các quy định hiện hành, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Beton 6 theo Bản dự thảo đính kèm Tờ trình này.
2. Giao Ban kiểm soát thực hiện các thủ tục cần thiết và ban hành Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.***Nơi nhận:**

- Toàn bộ cổ đông Công ty;
- Lưu VT.





CÔNG TY CP BETON 6

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6 (“CÔNG TY”)

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Beton 6;
- Căn cứ Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban Kiểm Soát ban hành Quy Chế Hoạt Động của Ban Kiểm Soát Công ty (“Quy Chế Hoạt Động của Ban Kiểm Soát” hoặc “Quy Chế”) bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Quy Chế Hoạt Động của Ban Kiểm Soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ Công Ty và các quy định Pháp Luật khác có liên quan.

1.2 Đối tượng áp dụng:

Quy Chế Hoạt Động của Ban Kiểm Soát được áp dụng cho Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

ĐIỀU 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm Soát.

ĐIỀU 3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

3.1 Trong Quy Chế Hoạt Động của Ban Kiểm Soát này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“*Công Ty*” là CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6, như được quy định tại Điều 2 Điều Lệ;

“*Công Ty Con*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bỏ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó;

“*Công Ty Liên Kết*” là doanh nghiệp mà Công Ty có góp vốn và/hoặc sở hữu cổ phần nhưng chưa phải Công Ty Con;

“*Công Ty Mẹ*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) công ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công Ty; (b) công ty có quyền kiểm soát Công Ty, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bỏ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc của Công Ty; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;

“*Cổ Đông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;

“*Cổ Đông Lớn*” là Cổ Đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty như được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;

“*Cổ Đông Phổ Thông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công Ty;

“*Điều Lệ*” là Điều Lệ của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua ngày ____ tháng ____ năm ____ được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Chứng Khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Doanh Nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Người Có Liên Quan*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và/hoặc Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

“*Người Quản Lý Doanh Nghiệp*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 24 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp;

“*Pháp Luật*” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

“*Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty*” là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội Đồng Quản Trị xây dựng, trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và do Hội Đồng Quản Trị ban hành, quy định về quản trị, điều hành Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

- 3.2 Trong Quy Chế này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng
- 3.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy Chế này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Quy Chế;
- 3.4 Các từ hoặc thuật ngữ viết hoa không được định nghĩa tại Quy Chế này sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều Lệ.
- 3.5 Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Quy Chế này.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

ĐIỀU 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát

- 4.1 Thành viên Ban Kiểm Soát có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công Ty nhằm phục vụ việc giám sát các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị Và Tổng Giám Đốc để các hoạt động của Công Ty được minh bạch vì lợi ích của các Cổ Đông và Công Ty.

4.2 Thành viên Ban Kiểm Soát có nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và các nghĩa vụ sau

- (a) Tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- (b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty.
- (c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông;
- (d) Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- (e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty;

4.3 Trường hợp thành viên Ban Kiểm Soát vi phạm quy định tại Điều 4.2 trên đây mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc Cổ Đông thì thành viên Ban Kiểm Soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

4.4 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm Soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát

5.1 Ban Kiểm Soát có ít nhất là ba (03) thành viên và nhiều nhất là năm (05) thành viên.

5.2 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là năm (05) năm.

5.3 Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm, theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5.4 Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

ĐIỀU 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm Soát

Thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

6.1 Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

6.2 Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;

- 6.3 Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và (các) Giám Đốc Điều Hành;
- 6.4 Không phải là Người Quản Lý Công Ty, không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;
- 6.5 Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
- 6.6 Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

ĐIỀU 7. Trưởng Ban Kiểm Soát

- 7.1 Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 7.2 Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm Soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 7.3 Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.

ĐIỀU 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát

Chỉ Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền mới được ứng cử và/hoặc đề cử ứng viên vào Ban Kiểm Soát theo đó:

- 8.1 Nếu các Cổ Đông Phổ Thông hợp thành nhóm để ứng cử, đề cử người vào Ban Kiểm Soát thì phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước và hồ sơ đề cử, ứng cử của mình đến Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông. Hồ sơ bao gồm:

- (a) Văn bản ứng cử/đề cử;
- (b) Lý lịch của người được đề cử/ứng cử, bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh thành viên ban kiểm soát của công ty khác;
 - Lợi ích có liên quan tới Công Ty và Người Có Liên Quan của Công ty.

(c) Văn bản cam kết của ứng viên trong đó thể hiện:

- ứng viên chấp nhận việc đề cử của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông;
- cam kết sẽ hành động, thực hiện công việc một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát;
- cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp.

(d) Ngoài ra, đối với nhóm Cổ Đông cần cung cấp thêm:

- danh sách đầy đủ của nhóm Cổ Đông đề cử;
- tổng số cổ phần mà nhóm Cổ Đông hiện đang nắm giữ;
- văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ Đông về việc đề cử thành viên Ban Kiểm Soát.

8.2 Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Ban Kiểm Soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm Soát đương nhiệm hoặc các Cổ Đông khác ứng cử, đề cử trong trường hợp Ban Kiểm Soát đề cử không đủ.

8.3 Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ Đông và nhóm Cổ Đông có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:

- (a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát;
- (b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát;
- (c) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử tối đa hai (03) ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát;
- (d) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ bảy mươi phần trăm (70%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được đề cử đủ ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát.

8.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 8.3 này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào Ban Kiểm Soát một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu nhầm, trường hợp một thành viên Ban

Kiểm Soát bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm, miễn nhiệm, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Ban Kiểm Soát để bổ sung, thay thế cho vị trí bị khuyết này.

ĐIỀU 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

- 9.1 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 9.2 Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm Soát và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 9.3 Cổ Đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ Đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế này.
- 9.4 Cổ Đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách để nguyên tên ứng viên được chọn và gạch ngang đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên Ban Kiểm Soát được phép bầu.
- 9.5 Căn cứ vào số lượng thành viên Ban Kiểm Soát được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- 9.6 Ứng viên trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.
- 9.7 Trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được số phiếu bầu ngang nhau thì:
 - (a) Nếu ứng viên là Cổ Đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
 - (b) Nếu ứng viên không là Cổ Đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Ban Kiểm Soát lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

ĐIỀU 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

- 10.1 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát theo quy

định tại Điều 6 Quy Chế này hoặc Điều 169 của Luật Doanh Nghiệp;

(b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

10.2 Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong trường hợp sau đây:

- (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty;
- (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.

ĐIỀU 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát

11.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm Soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm Soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát.

11.2 Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm Soát được công bố bao gồm:

- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (b) Trình độ chuyên môn;
- (c) Quá trình công tác;
- (d) Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý;
- (e) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và Người có Liên Quan của Công Ty.

11.3 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban Kiểm Soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 12.1 Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 12.2 Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình.
- 12.3 Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý, người điều hành khác.
- 12.4 Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Cổ Đông.
- 12.5 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Giám đốc Điều Hành và người quản lý, khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 12.6 Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

ĐIỀU 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát có các quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và các quyền sau:

- 13.1 Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- 13.2 Có quyền yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc Giám đốc Điều Hành và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty

ĐIỀU 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm Soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông

Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng

Cổ Đông theo quy định tại Điều 3.2.1(c)(i) của Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty, trong các trường hợp sau đây:

- 14.1 Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp Luật;
- 14.2 Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Theo đó, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:
 - (a) Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - (b) Hội Đồng Quản Trị vi phạm Điều Lệ Công Ty hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 14.3 Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông của Ban Kiểm Soát nhưng Hội Đồng Quản Trị không thực hiện theo quy định tại Điều 3.2.1(c)(i) của Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty.

Chương IV **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

ĐIỀU 15. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát

- 15.1 Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm Soát.
- 15.2 Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

ĐIỀU 16. Biên bản họp Ban Kiểm Soát

Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.

Chương V **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

ĐIỀU 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm Soát tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 17.1 Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
- 17.2 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Kiểm Soát.
- 17.3 Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng thành viên Ban Kiểm Soát.
- 17.4 Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty.
- 17.5 Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những Người Có Liên Quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 17.6 Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và (các) Giám Đốc Điều Hành khác.
- 17.7 Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các Cổ Đông.
- 17.8 Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết.

ĐIỀU 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 18.1 Thành viên Ban Kiểm Soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát.
- 18.2 Thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.
- 18.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

ĐIỀU 19. Công khai các lợi ích liên quan

- 19.1 Thành viên Ban Kiểm Soát phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm Soát làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của thành viên Ban Kiểm Soát làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 19.2 Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng
- 19.3 Thành viên Ban Kiểm Soát và những Người Có Liên Quan của các thành viên Ban Kiểm Soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 19.4 Thành viên Ban Kiểm Soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, với thành viên Ban kiểm Soát hoặc với những Người Có Liên Quan của thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của Pháp Luật. Thành viên Ban Kiểm Soát và những Người Có Liên Quan của các thành viên Ban Kiểm Soát này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**ĐIỀU 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm Soát**

Các thành viên Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty. Trưởng Ban Kiểm Soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban Kiểm Soát.

ĐIỀU 21. Mối quan hệ với Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành.

ĐIỀU 22. Mối quan hệ với Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với Hội Đồng Quản Trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Beton 6 bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày__ tháng__ năm__

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

